CHƯƠNG VI: RŪPA SAṄGAHA

I. **Rūpasamuddesanāya** – Trình Bày Sắc Pháp Một Cách Tóm Lược;
II. **Rūpavibbhāganāya** – Trình Bày Sắc Pháp Một Cách Chi Tiết;
III. **Rūpasamuṭṭhānanāya** – Trình Bày Nguyên Nhân Phát Sinh Của Sắc Pháp;
IV. **Rūpakalāpanāya** – Trình Bày Sắc Pháp Theo Nhóm;
V. **Rūpapavattikkamanāya** – Trình Bày Sự Sinh Và Sự Diệt Của Sắc Pháp Theo Thứ Tự.
VI. **Nibbānaparamattha** – Nibbāna

Xuất nguyên từ ngữ căn *"rup"*: bị thay đổi. Cái gì chịu sự biến dạng, thay đổi thì được gọi là **Rūpa**.
Theo Vibhāvini Ṭīkā: Rūpa là cái trở nên bị biến dạng, bị khuấy nhiễu, bị đè nén, bị đổ vỡ khi tiếp xúc với những điều kiện vật lý bất lợi như sự lạnh, sự đói khát, sự cắn chích của côn trùng…

Rūpa chỉ tồn tại trong thời gian bằng 17 Khaṇa tâm. Rūpa biến đổi nhanh chóng đến nỗi ta không thể gõ hai lần đúng ngay vào một nơi.

RŪPASAMUDDESANĀYA –
TRÌNH BÀY SẮC PHÁP MỘT CÁCH TÓM LƯỢC

Rūpa gồm 28 loại chia thành 2 nhóm: Sắc Đại Hiển và Sắc Y Sinh.

I. MAHĀBHŪTARŪPA – SẮC ĐẠI HIỂN (SẮC TỨ ĐẠI/SẮC ĐẠI CHỦNG): 04

"Mahantāni hutvā bhūtāni pātubhūtānīti = mahābhūtāni: Những Rūpa nào nói theo hình tướng là to lớn và nói theo Tướng Trạng là hiện bày rõ ràng (hơn những Rūpa khác), gọi là Sắc Đại Hiển".

A. Pathavī Dhātu – Nguyên Tố Đất (Địa Đại/Địa Giới)

Ngữ căn *"puth"*: Tăng, nở ra, giãn ra, mở rộng, tăng số lượng… Sự *"Giãn nở"* nghĩa là sự chiếm hữu không gian. Sự giãn nở 3 chiều khiến cho phát sinh khái niệm của 1 thân rắn chắc.

"Dhātu": Pháp tự mang thực tính riêng của mình. Thường dịch là ***"Giới"***.

1. **Tướng Trạng**: Cứng (Kakkhaḷattalakkhaṇā).
   Mặc dù sự *"giãn nở"* là một cách chuyển ngữ của *"Pathavī"*, nhưng Tướng Trạng của Pathavī Dhātu thật ra là ***"Kakkhaḷa"***: Cứng.
2. **Phận Sự**: Nâng đỡ (Patiṭṭhānarasā).
   "Sahajātarūpāni pathanti patiṭṭhahanti etthāti = paṭhavī: Rūpa nào thành chỗ cho các Rūpa đồng sinh nương nhờ, gọi là Pathavī."
3. **Thành Tựu**: Tiếp nhận (Sampaṭicchanapaccupaṭṭhānā).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Có 3 Sắc Đại Hiển khác ở cùng Nhóm Sắc (Avasesadhātutayapadaṭṭhānā).

B. Āpo Dhātu – Nguyên Tố Nước (Thủy Đại/Thủy Giới)

Ngữ căn *"āpa"*: lan tràn, tản đi. Hoặc *"ā"* + ngữ căn *"pāya"* = Thịnh vượng, tăng trưởng.

Visuddhimagga nói rằng: *"Gọi là "Āpo" vì nó "Appoti": trôi chảy, "Āpiyati": thấm nhuần, "Appāyati": làm cho tăng trưởng các pháp khác."*

1. **Tướng Trạng**: Chảy ra (Paggharanalakkhaṇa) và Quyện lại (Ābandhanalakkhaṇā).
   "Āpeti sahajātarūpesu byāpetvā tiṭṭhatīti = āpo: Rūpa nào mà ngấm rộng khắp cả các Rūpa đồng sinh, rồi trú trong Rūpa đó, gọi là Āpo."
2. **Phận Sự**: Tiến hóa (Byūhanarasā).
   "Appāyati sahajātarūpāni suṭṭhu brūheti vaḍḍhetīti = āpo: Rūpa nào mà làm cho những Rūpa đồng sinh tiến hóa tốt đẹp, Rūpa đó gọi là Āpo."
3. **Thành Tựu**: Kết dính (Saṅgahapaccupaṭṭhānā).
   "Sahajātarūpāni avippakiṇṇāni katvā bhuso pāti rakkhatī'ti = āpo: Rūpa mà quyện lại bảo trì cho Rūpa đồng sinh được chặt chẽ không cho rời rạc, tan rã, Rūpa đó là Āpo."
4. **Nguyên Nhân Gần**: Có 3 Sắc Đại Hiển khác ở cùng Nhóm Sắc (Avasesadhātutayapadaṭṭhānā).

C. Tejo Dhātu – Nguyên Tố Lửa (Hỏa Đại/Hỏa Giới)

Ngữ căn *"tija"*: Làm tăng lên, làm cho chín, làm cho hoàn thiện.

"Tejo": Lửa hoạt động trong thân có 5 cách:

- **Usmātejo**: Chất ấm hiện hữu trong thân thể chúng sinh;
- **Santappanatejo**: Chất nóng hiện hữu trong thân thể chúng sinh;
- **Ḍahanatejo**: Chất nóng quá độ, có thể đốt thân thể cho biến đổi đi;
- **Jīraṇatejo**: Tejo làm cho thân thể hao mòn, Già đi;
- **Pācakatejo**: Tejo làm tiêu hóa Vật Thực (Là Tejo Dhātu trong Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp).

Usmātejo và **Pācakatejo** thường hiện hữu trong thân tất cả chúng sinh, 3 loại khác chỉ là Usmātejo biến đổi thành. Như bị sốt nóng là do Usmātejo biến đổi thành Santappanatejo; khi Usmātejo biến đổi tiếp thành Ḍahanatejo thì sốt cao độ. Người nào có bệnh hoạn thường hành hạ, hay đã vào ranh giới tuổi già thì Usmātejo đổi trạng thái thành Jiraṇatejo, làm cho hiện bày biểu hiện hao mòn của thân thể, phát sinh như tóc bạc, răng rụng, mắt mờ, da thịt nhăn nheo…

1. **Tướng Trạng**: Nhiệt (Uṇhattalakkhaṇā).
   "Uṇhatta": Nhiệt. Bao gồm cả *"Uṇha"*: **Nóng** và *"Sīta"*: **Lạnh**.

2. **<u>Phận Sự</u>**: Làm cho chín (Paripācanarasā).
   "Paripācana": Sự chín, sự trưởng thành, sự chuyển hóa.
3. **<u>Thành Tựu</u>**: Cung cấp sự mềm nhừ (Maddavānuppādana paccupaṭṭhānā).
4. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có 3 <u>Sắc Đại Hiển</u> khác ở cùng Nhóm Sắc (Avasesadhātutayapadaṭṭhānā).

D. Vāyo Dhātu – Nguyên Tố Gió (Phong Đại/Phong Giới)

Ngữ căn *"vāya"*: Dao động, chuyển động, cử động, lung lay, đu đưa, áp lực, áp suất…

"Vāyo": Gió hoạt động trong thân có 6 cách:

- **Uddhaṅgamavāyo**: Vāyo thổi lên trên (gây ra ợ, ho, hắt hơi…);
- **Adhogamavāyo**: Vāyo thổi xuống dưới, bên trong bụng, khiến ruột dao động;
- **Kucchiṭṭhavāyo**: Vāyo di chuyển trong nội tạng, ngoại trừ ruột non và ruột già;
- **Koṭṭhāsayavāyo**: Vāyo ở trong ruột non và ruột già, đẩy các chất cặn bã của thực phẩm xuống hậu môn để tống ra ngoài…;
- **Aṅgamaṅgānusārīvāyo**: Vāyo ở trong các mạch máu;
- **Assāsapassāsavāyo**: Vāyo là hơi thở vào ra.

1. **<u>Tướng Trạng</u>**: Căng ra (Vitthambhanalakkhaṇā) và lay động (Sāmīraṇalakkhaṇā).
   "Vāyati sahajātadhamme apatamāne katvā vahatīti = vāyo: Pháp nào mà kìm cho những Rūpa đồng sinh trụ vững, không lay động, gọi là Vāyo".
   "Vāyati desantaruppatti hetubhāvena bhutasaṅghātaṃ papetīti = vāyo: Pháp nào mà khiến Rūpa đồng sinh lay động, rời khỏi vị trí, gọi là Vāyo."
2. **<u>Phận Sự</u>**: Làm cho khuấy động, đẩy, lay động những Rūpa đồng sinh (Samudīraṇarasā).
3. **<u>Thành Tựu</u>**: Kéo đi, dịch chuyển đến nơi khác (Abhinihārapaccupaṭṭhānā).
4. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có 3 <u>Sắc Đại Hiển</u> khác ở cùng Nhóm Sắc (Avasesadhātutayapadaṭṭhānā).

4 <u>Sắc Đại Hiển</u> luôn dính liền nhau, không thể tách rời, là nền tảng cho những Rūpa khác cùng hiện hữu. Ta thấy 4 <u>Sắc Đại Hiển</u> ở mọi nơi: sự chiếm không gian, sự kết dính, nhiệt lượng và chuyển động.

II. UPĀDĀYARŪPA – SẮC Y SINH: 24

"Mahābhūtānaṃ upādāya pavattaṃ rūpanti = upādāyarūpaṃ: Rūpa nào phát sinh do nương nhờ trên <u>Sắc Đại Hiển</u>, gọi là <u>Sắc Y Sinh</u>."

A. Pasādarūpa – Sắc Thần Kinh (Sắc Thanh Triệt): 05

"Pasāda": Sự trong trẻo, sự rõ ràng, sự sáng tỏ, sự thông suốt, tình trạng không có gì cản trở.

<u>Sắc Thần Kinh</u> chính là những <u>Sắc Đại Hiển</u> trong ngần do Nghiệp tạo thành, có tính nhạy, có thể tiếp thu được <u>Sắc Đối Tượng</u>, nhưng không biết Đối tượng, chỉ có tâm mới biết Đối tượng.

1. **Cakkhupasāda** – Thần Kinh Thị Giác (Nhãn Thanh Triệt)
   ***"Cakkhu"*:** Mắt (Nhãn)
   a. **<u>Tướng Trạng</u>**: Thứ <u>Sắc Đại Hiển</u> trong ngần mà nhạy cảm với <u>Sắc Cảnh Sắc</u> (Rūpā bhighātāraha bhūtappasāda lakkhaṇaṃ).
      Là thứ <u>Sắc Nghiệp Tạo</u> trong ngần lan tỏa trong 7 lớp võng mạc, ở giữa tròng đen của con ngươi; tiếp thu được <u>Sắc Cảnh Sắc</u>. Ngài Sāriputta có nói rằng: *"Phần nhạy của nhãn quan mà do đó ta thấy hình tướng và màu sắc, thì nhỏ và tế nhị, có thể ví như đầu con chí."*
   b. **<u>Phận Sự</u>**: Tiếp thu <u>Sắc Cảnh Sắc</u> (Rūpesu āviñchana rasaṃ).
      Kéo tâm đến <u>Sắc Cảnh Sắc</u>, làm tuôn ra <u>Lộ Trình Nhãn Môn</u> để thấy biết <u>Cảnh Sắc</u>.
   c. **<u>Thành Tựu</u>**: Chỗ nương của <u>Nhãn Thức</u> (Cakkhuviññāṇassa ādhārabhāva paccupaṭṭhānaṃ).
   d. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: <u>Sắc Đại Hiển</u> sinh từ Nghiệp có căn nguyên từ ham muốn được Nhìn (Diṭṭhukāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānaṃ).
2. **Sotapasāda** – Thần Kinh Thính Giác (Nhĩ Thanh Triệt)
   "Sota": Tai (Nhĩ).
   a. **<u>Tướng Trạng</u>**: Thứ <u>Sắc Đại Hiển</u> trong ngần mà nhạy cảm với <u>Sắc Cảnh Thanh</u> (Saddā bhighātāraha bhūtappasāda lakkhaṇaṃ)

Lan tỏa bên trong lỗ hõm của bộ phận cấu thành tai, trong phần hình thù như một chiếc nhẫn, và có nhiều lông tơ màu đỏ, tiếp thu được Sắc Cảnh Thanh.

b. **Phận Sự**: Tiếp thu Sắc Cảnh Thanh (Saddesu āviñchanarasaṃ).

Kéo tâm đến Sắc Cảnh Thanh, làm tuôn ra Lộ Trình Nhĩ Môn để thấy biết Cảnh Thanh.

c. **Thành Tựu**: Chỗ nương của Nhĩ Thức (Sotaviññāṇassa ādhārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Sắc Đại Hiển sinh từ Nghiệp có căn nguyên từ ham muốn được Nghe (Sotukāmatānidāna kammajabhūtapadaṭṭhānaṃ).

3. **Ghānapasāda** – Thần Kinh Khứu Giác (Tỷ Thanh Triệt)

"Ghāna": Mũi (Tỷ).

a. **Tướng Trạng**: Thứ Sắc Đại Hiển trong ngần mà nhạy cảm với Sắc Cảnh Mùi (Gandhā bhighātāraha bhūtappasāda lakkhaṇaṃ)

Lan tỏa bên trong lỗ mũi, ngay khu vực có hình dáng tựa như móng chân dê, tiếp thu được Sắc Cảnh Mùi.

b. **Phận Sự**: Tiếp thu Sắc Cảnh Mùi (Gandhesu āviñchanarasaṃ).

Kéo tâm đến Sắc Cảnh Mùi, làm tuôn ra Lộ Trình Tỷ Môn để thấy biết Cảnh Mùi.

c. **Thành Tựu**: Chỗ nương của Tỷ Thức (Ghānaviññāṇassa ādhārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Sắc Đại Hiển sinh từ Nghiệp có căn nguyên từ ham muốn được Ngửi (Ghāyitukāmatānidāna kammajabhūtapadaṭṭhānaṃ).

4. **Jivhāpasāda** – Thần Kinh Vị Giác (Thiệt Thanh Triệt)

"Jivhā": Lưỡi (Thiệt).

a. **Tướng Trạng**: Thứ Sắc Đại Hiển trong ngần mà nhạy cảm với Sắc Cảnh Vị. (Rasā bhighātāraha bhūtappasāda lakkhaṇaṃ)

Là thứ Sắc Nghiệp Tạo trong ngần, lan tỏa ở giữa mặt trên của lưỡi, ngay khu vực có hình dáng tựa như chóp của búp sen (hay giọt nước), tiếp thu được Sắc Cảnh Vị.

b. **Phận Sự**: Tiếp thu Sắc Cảnh Vị (Rasesu āviñchanarasaṃ).

Kéo tâm đến Sắc Cảnh Vị, làm tuôn ra Lộ Trình Thiệt Môn để thấy biết Cảnh Vị.

c. **Thành Tựu**: Chỗ nương của Thiệt Thức (Jivhāviññāṇassa ādhārabhāvapaccupaṭṭhānaṃ).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Sắc Đại Hiển sinh từ Nghiệp có căn nguyên từ ham muốn được Nếm (Sāyitukāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānaṃ).

5. **Kāyapasāda** – Thần Kinh Xúc Giác (Thân Thanh Triệt)

"Kāya": Thân.

a. **Tướng Trạng**: Thứ Sắc Đại Hiển trong ngần mà nhạy cảm với Sắc Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbābhighātāraha bhūtappasāda lakkhaṇaṃ).

Là thứ Sắc Nghiệp Tạo trong ngần, lan tỏa khắp thân thể ngoại trừ nơi Pācakatejo nương, tóc, lông, móng, da khô, tiếp thu được Sắc Cảnh Xúc.

b. **Phận Sự**: Tiếp thu Sắc Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbesu āviñchanarasaṃ).

Kéo tâm đến Sắc Cảnh Xúc, làm tuôn ra Lộ Trình Thân Môn để thấy biết Cảnh Xúc.

c. **Thành Tựu**: Chỗ nương của Thân Thức (Kāyaviññāṇassa ādhārabhāvapadaṭṭhānaṃ).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Sắc Đại Hiển sinh từ Nghiệp có căn nguyên từ ham muốn Xúc chạm (Phusitukāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānaṃ).

B. Visayarūpa – Sắc Đối Tượng (Sắc Cảnh Giới): 07

"Gocara": Cánh đồng cỏ, nơi mà bò lui tới.

Sắc Cảnh Sắc, Sắc Cảnh Thanh, Sắc Cảnh Mùi, Sắc Cảnh Vị còn gọi là 04 **Gocararūpa** – Sắc Dạo, tức là nơi dạo của tâm và tâm sở.

Còn Sắc Cảnh Xúc chính là 3 Sắc Đại Hiển: Pathavī Dhātu, Tejo Dhātu, Vāyo Dhātu nên không kể vào 24 Sắc Y Sinh tại đây.

1. **Rūpārammaṇa** – Sắc Cảnh Sắc

Đó là tất cả những gì bị Thần Kinh Thị Giác thu lấy, đồng thời bị Nhãn Thức biết. Sắc Cảnh Sắc chỉ chung cho tất cả **Vaṇṇa** – Màu Sắc, ngay cả không màu. Như người đưa mắt nhìn hư không, thấy khoảng không gian ấy, thì khoảng không gian này cũng được gọi là Sắc Cảnh Sắc.

a. **Tướng Trạng**: Tương tác được với Thần Kinh Thị Giác (Cakkhu paṭihanana lakkhaṇaṃ).
b. **Phận Sự**: Làm Đối tượng cho Nhãn Thức (Cakkhuviññāṇassa visayabhāvarasaṃ).
c. **Thành Tựu**: Là nơi dạo cho Nhãn Thức (Tasseva gocara paccupaṭṭhānaṃ).
d. **Nguyên Nhân Gần**: Có 4 Sắc Đại Hiển (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

2. **Saddārammaṇa** – Sắc Cảnh Thanh

Đó là tất cả những gì bị Thần Kinh Thính Giác thu lấy, đồng thời bị Nhĩ Thức biết. Sắc Cảnh Thanh chỉ chung cho tất cả **Sadda** – Âm Thanh.

a. **Tướng Trạng**: Tương tác được với Thần Kinh Thính Giác (Sota paṭihanana lakkhaṇaṃ).
b. **Phận Sự**: Làm Đối tượng cho Nhĩ Thức (Sotaviññāṇassa visayabhāvarasaṃ).
c. **Thành Tựu**: Là nơi dạo cho Nhĩ Thức (Tasseva gocara paccupaṭṭhānaṃ).
d. **Nguyên Nhân Gần**: Có 4 Sắc Đại Hiển (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

3. **Gandhārammaṇa** – Sắc Cảnh Mùi

Đó là tất cả những gì bị Thần Kinh Khứu Giác thu lấy, đồng thời bị Tỷ Thức biết. Sắc Cảnh Mùi chỉ chung cho tất cả **Gandha** – Mùi.

Ngữ căn *"Gandh"*: Lộ ra. *"Gandhayati attano vatthuṃ sūcetīti = gandho: Rūpa nào trình bày nơi nương tựa của mình hiện rõ, sắc ấy gọi là Gandha."* Như bông hoa có mùi thơm, hay các loại nước hoa… cho dù những vật này ở nơi nào, khi Mùi có cơ hội lan tỏa ra làm cho mọi người biết được đây là mùi từ hoa, đây là mùi từ nước hoa và vừa biết được là bông hoa này ở đâu.

a. **Tướng Trạng**: Tương tác được với Thần Kinh Khứu Giác (Ghāna paṭihanana lakkhaṇaṃ).
b. **Phận Sự**: Làm Đối tượng cho Tỷ Thức (Ghānaviññāṇassa visayabhāvarasaṃ).
c. **Thành Tựu**: Là nơi dạo cho Tỷ Thức (Tasseva gocara paccupaṭṭhānaṃ).
d. **Nguyên Nhân Gần**: Có 4 Sắc Đại Hiển (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

4. **Rasārammaṇa** – Sắc Cảnh Vị

Đó là tất cả những gì bị Thần Kinh Vị Giác thu lấy, đồng thời bị Thiệt Thức biết. Sắc Cảnh Vị chỉ chung cho tất cả **Rasa** – Vị. Có 6 loại Rasa: Mặn, Ngọt, Chua, Cay, Đắng, Chát.

a. **Tướng Trạng**: Tương tác được với Thần Kinh Vị Giác (Jivhā paṭihanana lakkhaṇaṃ)
b. **Phận Sự**: Làm Đối tượng cho Thiệt Thức (Jivhāviññāṇassa visayabhāvarasaṃ).
c. **Thành Tựu**: Là nơi dạo cho Thiệt Thức (Tasseva gocara paccupaṭṭhānaṃ).
d. **Nguyên Nhân Gần**: Có 4 Sắc Đại Hiển (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

5. **Phoṭṭhabbārammaṇa** – Sắc Cảnh Xúc

5.1. **Pathavīphoṭṭhabbārammaṇa** – Cảnh Xúc Đất: Cứng – Mềm.
5.2. **Tejophoṭṭhabbārammaṇa** – Cảnh Xúc Lửa: Nóng – Lạnh.
5.3. **Vāyophoṭṭhabbārammaṇa** – Cảnh Xúc Gió: Căng – Chùng.

Đó là tất cả những gì bị Thần Kinh Xúc Giác thu lấy, đồng thời bị Thân Thức biết.

a. **Tướng Trạng**: Tương tác được với Thần Kinh Xúc Giác (Kāya paṭihanana lakkhaṇaṃ)

Chỉ có 3 Sắc Đại Hiển: Pathavī Dhātu, Tejo Dhātu, Vāyo Dhātu mới tương tác được với Thần Kinh Xúc Giác. Āpo Dhātu không tương tác được với Thần Kinh Xúc Giác. Đưa tay vào trong nước: Lạnh là Tướng Trạng của Tejo Dhātu, Mềm là Tướng Trạng của Pathavī Dhātu, có áp lực hay sự chuyển động là Tướng Trạng của Vāyo Dhātu.

b. **Phận Sự**: Làm Đối tượng cho Thân Thức (Kāyaviññāṇassa visayabhāvarasaṃ).
c. **Thành Tựu**: Là nơi dạo cho Thân Thức (Tasseva gocara paccupaṭṭhānaṃ).
d. **Nguyên Nhân Gần**: Có 4 Sắc Đại Hiển (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

C. Bhāvarūpa – Sắc Giới Tính: 02

Sắc Giới Tính thấm nhuần trong toàn bộ cơ thể, không loại trừ bộ phận nào, và là nhân cho:

- ***"Liṅga"***: Căn. Cấu trúc sinh học của cơ thể như: Cơ quan giới tính, tướng mạo, vóc dáng…
- ***"Nimitta"***: Tướng. Dấu hiệu như râu ria, âm giọng…
- ***"Kutta"***: Tính Tình. Như thói quen, hành vi…
- ***"Ākappa"***: Cử Chỉ. Như cách đi đứng, nằm, ngồi, ăn, uống…

Sắc Giới Tính có thể tìm thấy cả trong DNA của chúng sinh, qua nhiễm sắc thể XX và XY.

1. **Itthibhāva** – Sắc Nữ Tính

a. **<u>Tướng Trạng</u>**: Cung cách, tình trạng hoặc hiện tượng là nữ (Itthi bhāva lakkhaṇaṃ).
b. **<u>Phận Sự</u>**: Trình bày ra đây là nữ (Itthīti pakāsana rasaṃ).
c. **<u>Thành Tựu</u>**: Có Nữ căn, Nữ tướng, Nữ tính, Cử Chỉ của nữ… (Itthi liṅga nimitta kuttā kappānaṃ kāraṇa bhāva paccupaṭṭhānaṃ).
d. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có 4 <u>Sắc Đại Hiển</u> (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

2. **Purisabhāva** – Sắc Nam Tính:
   a. **<u>Tướng Trạng</u>**: Cung cách, tình trạng hoặc hiện tượng là nam (Purisa bhāva lakkhaṇaṃ).
   b. **<u>Phận Sự</u>**: Trình bày ra đây là nam (Purisoti pakāsana rasaṃ).
   c. **<u>Thành Tựu</u>**: Có Nam căn, Nam tướng, Nam tính, Cử Chỉ của nam… (Purisa liṅga nimitta kuttā kappānaṃ kāraṇa bhāva paccupaṭṭhānaṃ).
   d. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có 4 <u>Sắc Đại Hiển</u> (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

D. Hadayavatthurūpa – Sắc Ý Vật: 01

"Hadaya": Tim, Tâm (Citta).

1. **<u>Tướng Trạng</u>**: Là nơi nương nhờ của <u>Ý Giới</u> và <u>Ý Thức Giới</u> đối với chúng sinh Dục Giới, Sắc Giới (Manodhātumanoviññāṇadhātūnaṃ nissaya Lakkhaṇaṃ).
   "Hadaya" còn có nghĩa khác là: Tâm (Citta). Như trong Bộ Pháp Tụ, dùng một loạt từ để giải thích Tâm: *"Yaṃ tasmiṃ samaye cittaṃ mano mānasaṃ hadayaṃ paṇḍaraṃ … cittaṃ hoti: Cái gì là tâm, ý, tư tưởng, tâm tạng, bạch tịnh … có trong khi ấy, đây gọi là Citta"*.
   "Hadayavatthu" chỉ có nghĩa là Vatthu cho tâm nương sinh, như ***"Cakkhuvatthu"*** vậy.
2. **<u>Phận Sự</u>**: Ủng hộ <u>Ý Giới</u> và <u>Ý Thức Giới</u> (Tāsaññeva dhātūnaṃ ādhāranarasaṃ).
3. **<u>Thành Tựu</u>**: Mang, chứa <u>Ý Giới</u> và <u>Ý Thức Giới</u> (Ubbahanapaccupaṭṭhānaṃ).
4. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có 4 <u>Sắc Đại Hiển</u> (Catumahābhūta padaṭṭhānaṃ).

E. Rūpa Jīvitindriya – Sắc Mạng Quyền: 01

"Jīvita": Sự Sống, có trong cả Nāma và Rūpa.

1. **<u>Tướng Trạng</u>**: Duy trì những Rūpa trong cùng Nhóm Sắc (Sahajātarūpānupāla lakkhaṇaṃ).
   "Jīvanti sahajāta dhammā etenāti = jīvitaṃ: Những Rūpa đồng sinh hiện hữu do nương nhờ loại Rūpa nào, loại Rūpa ấy gọi là Jīvita."
   Là thứ <u>Sắc Nghiệp Tạo</u> lan tỏa khắp thân thể trừ tóc, lông, móng, da khô…
2. **<u>Phận Sự</u>**: Làm cho <u>Sắc Nghiệp Tạo</u> được còn tồn tại (Tesaṃ pavattanarasaṃ).
   Danh từ *"những Rūpa đồng sinh"* ở đây là nói tới Rūpa trong cùng <u>Nhóm Sắc Nghiệp Tạo</u>.
3. **<u>Thành Tựu</u>**: Làm vững chắc sự hiện diện của các Rūpa (Tasaññeva ṭhapanapaccupaṭṭhānaṃ).
4. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có <u>Sắc Đại Hiển</u> trong cùng Nhóm Sắc đang được duy trì (Yāpayitabba padaṭṭhānaṃ).

F. Āhārarūpa – Sắc Vật Thực: 01

"Kabaḷīkāro āhāro āhārarūpaṃ nāma: <u>Đoàn Thực</u> còn gọi là Āhārarūpa."

1. **<u>Tướng Trạng</u>**: <u>Dưỡng Chất</u> (Ojā lakkhaṇaṃ).
   <u>Sắc Vật Thực</u> là nói tới **Ojā** – Dưỡng Chất: Tinh chất dinh dưỡng thấm sâu trong <u>Đoàn Thực</u>.
2. **<u>Phận Sự</u>**: Nuôi dưỡng các loại Rūpa (Rūpāhoraṇarasaṃ).
   "Attano udayānantaraṃ rūpaṃ janetīti = ojā: Giúp các Rūpa sinh ra liên tiếp cùng với sự sinh ra của mình, gọi là Ojā."
   Ojā chỉ nuôi dưỡng các Nhóm Sắc trong thân mà có <u>Sắc Mạng Quyền</u> mà thôi.
3. **<u>Thành Tựu</u>**: Làm cho vững chắc, củng cố thân thể (kāyupatthambhana paccupaṭṭhānaṃ).
   Ojā làm cho thân thể của chúng sinh có sức mạnh và tiến hóa. Nếu thân thể của chúng sinh tiến hóa lớn lên hết mức rồi, Ojā làm nhiệm vụ làm cho thân thể đầy đủ và duy trì mạng sống.
4. **<u>Nguyên Nhân Gần</u>**: Có vật thực thô là cơ sở của Ojā (Ojjhoharitabba padaṭṭhānaṃ).

18 Rūpa trên được gọi là:

1. **Nipphannarūpa** – Sắc Thành Tựu: Rūpa bị tạo thành do 4 nguyên nhân: Kamma, Citta, Utu, Āhāra.
2. **Sabhāvarūpa** – Sắc Hữu Thực Tính (Sắc Pháp Chân Đế): Rūpa có Tướng Trạng (riêng) của mình.
3. **Salakkhaṇarūpa** – Sắc Hữu Tướng: Rūpa có Tam Tướng (chung) của Pháp Hữu Vi.
4. **Rūparūpa**: Sắc Pháp **Thật**. Bởi chúng sở hữu tướng trạng thiết yếu của Rūpa, đó là chịu sự biến dạng.
5. **Sammasanarūpa** – Sắc Quán Tưởng (Sắc Quán Đắc/Sắc Phổ Thông): **Thích nghi để được suy niệm**. *"Sammasana"*: Sự quán tưởng. Điều đó có nghĩa là chỉ có thể Tu Tiến Vipassanā trên 18 Rūpa này để phát triển Trí Minh Sát, chứ không phải trên 10 Rūpa còn lại. Vì 18 Rūpa này có Tam Tướng của Pháp Hữu Vi. Khi Tu Tiến Vipassanā, Yogī cố gắng thấy được Tam Tướng của Pháp Hữu Vi.

G. Paricchedarūpa – Sắc Giao Giới (Sắc Không Gian/Sắc Ranh Giới/Hạn Giới Sắc): 01

Sắc Giao Giới còn được gọi là **Ākāsadhātu** – Nguyên Tố Không Gian (Hư Không Giới), nhưng không phải như 1 Dhātu trong 4 Sắc Đại Hiển, vì nó không thật sự tồn tại.

"Ākāsa": Không Gian.

1. **Tướng Trạng**: Là chặng giữa của các Nhóm Sắc (Rūpaparicchedalakkhaṇaṃ).
2. **Phận Sự**: Phô bày ranh giới giữa các Nhóm Sắc (Rūpa pariyanta ppakāsana rasaṃ).
3. **Thành Tựu**: Khoảng trống giữa các Nhóm Sắc (Rūpamāriyāda paccupaṭṭhānaṃ).
4. **Nguyên Nhân Gần**: Các Nhóm Sắc được định ranh giới (Paricchinnarūpa padaṭṭhānaṃ).

H. Viññattirūpa – Sắc Truyền Thông (Sắc Biểu Tri): 02

"Viññatti": Làm Cho Biết.

Khi một người biểu lộ hành động vẫy tay, hay nói ra, hẳn người khác biết được ý muốn của người đó cũng bởi do sự vẫy tay, hay nói ra đó có biểu hiện đặc biệt, biểu hiện này gọi là Sắc Truyền Thông. Nếu không có Sắc Truyền Thông thì sự chuyển động của chúng sinh không khác gì chuyển động của lá cây, và lời nói của chúng sinh cũng không khác gì Âm thanh sấm chớp trời mưa. Do đó, biểu hiện đặc biệt phát sinh trong cách chuyển động và nói năng của tất cả chúng sinh gọi là Sắc Truyền Thông.

Ngay cả khi không có sự chuyển động bằng thân hay sự im lặng không nói mà người thực hiện nhằm cho người khác biết được ý muốn thì cũng là Sắc Truyền Thông.

Sắc Truyền Thông không phải là loại Rūpa riêng biệt, cho nên không nhìn thấy được. Cái ta thấy là Sắc Cảnh Sắc, Sắc Cảnh Thanh, nhưng từ Cảnh Sắc, Cảnh Thanh này, ta suy diễn điều người đó đang muốn truyền đạt. Sắc Truyền Thông làm cho những chủ ý của ta được truyền đạt đến người khác.

Thời gian tồn tại của Sắc Truyền Thông chỉ là 1 Khaṇa tâm. Chúng Sinh – Diệt cùng với tâm.

1. **Kāyaviññattirūpa** – Sắc Thân Biểu Tri

   *"Calamānakāyena adhippāyaṃ viññāpeti, sayañca tena viññāyatīti = kāyaviññatti: Pháp làm cho người khác biết được ý định với sự chuyển động của thân, **và tự mình cũng biết được**, gọi là Kāyaviññatti."*

   a. **Tướng Trạng**: Nêu bày ý nghĩa (Viññāpana lakkhaṇaṃ).
   b. **Phận Sự**: Nêu bày ý định, tâm trạng (Adhippāyapakāsana rasaṃ).
   c. **Thành Tựu**: Làm Thân chuyển động (Kāyavipphandana hetubhāva paccupaṭṭhānaṃ).
   d. **Nguyên Nhân Gần**: Vāyo Dhātu do tâm tạo (Cittasamuṭṭhāna vāyodhātupadaṭṭhānaṃ).

2. **Vacīviññattirūpa** – Sắc Ngữ Biểu Tri

   *"Vācāya adhippāyaṃ viññāpeti, sayañca tāya viññāyatīti = vacīviññatti: Pháp làm cho người khác biết được ý định với lời nói, **và tự mình cũng biết được**, gọi là Kāyaviññatti."*

   a. **Tướng Trạng**: Nêu bày ý nghĩa (Viññāpanalakkhaṇaṃ).
   b. **Phận Sự**: Nêu bày ý định, tâm trạng (Adhippāyapakāsana rasaṃ).
   c. **Thành Tựu**: Nhân gây ra sự diễn đạt bằng lời nói (Vacīghosa hetubhāva paccupaṭṭhānaṃ).
   d. **Nguyên Nhân Gần**: Pathavī Dhātu tâm tạo (Cittasamuṭṭhāna paṭhavīdhātu padaṭṭhānaṃ).

I. Vikārarūpa – Sắc Đặc Biệt (Sắc Kì Dị/Sắc Chuyển Biến): 05

"Vikāra": Sự biến đổi.

Sắc Đặc Biệt không phải là loại Rūpa riêng biệt, mà là những thuộc tính của Sắc Tâm Tạo, Sắc Nhiệt Lượng Tạo, Sắc Vật Thực Tạo ở chúng sinh hữu tri, hữu giác mà thôi.

Sắc Nhẹ Nhàng, Sắc Mềm Mại, Sắc Thích Nghi luôn luôn sinh lên cùng nhau.

1. **Rūpalahutā** – Sắc Nhẹ Nhàng (Thanh Thoát/Khinh Sắc)
    a. **Tướng Trạng**: Sự nhẹ nhàng (Adandhatālakkhaṇā).
        "Rūpassa lahutā = rūpalahutā: Sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Tựu, gọi là Rūpalahutā."
        Sự nhanh nhẹn nhẹ nhàng tức là sự chuyển đổi mau chóng của các Oai Nghi.
    b. **Phận Sự**: Xua tan sự trì trệ của Rūpa (Rūpānaṃ garubhāvavinodanarasā).
    c. **Thành Tựu**: Có thể biến đổi nhanh nhẹn, nhẹ nhàng (Lahuparivattitā paccupaṭṭhānā).
    d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Sắc Nhẹ Nhàng (Lahurūpa padaṭṭhānā).
2. **Rūpamudutā** – Sắc Mềm Mại (Nhu Nhuyễn/Nhu Sắc)
    a. **Tướng Trạng**: Sự mềm mại (Athaddhatālakkhaṇā).
        "Rūpassa mudutā = rūpamudutā: Sự mềm mại của Sắc Thành Tựu, gọi là Rūpamudutā."
        Sự mềm dẻo nhu nhuyễn ở thân.
    b. **Phận Sự**: Xua tan tính thô cứng của Rūpa (Rūpānaṃ thaddhavinodana rasā).
    c. **Thành Tựu**: Không trở ngại với bất cứ loại hoạt động nào (Sabbakriyāsu avirodhitā paccupaṭṭhānā).
    d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Sắc Mềm Mại (Mudurūpa padaṭṭhānā)
3. **Rūpakammaññatā** – Sắc Thích Nghi (Sắc Thích Sự/Sắc Thích Nghiệp/Sắc Uyển Chuyển)
    a. **Tướng Trạng**: Sự thiện xảo trong việc làm (Kammaññabhāvalakkhaṇā).
        "Rūpassa kammaññatā = Rūpakammaññatā: Cách thích hợp với cách làm mọi việc của Sắc Thành Tựu, gọi là Rūpakammaññatā."
        Sự thuận lợi trong tất cả các Oai Nghi, khiến các Oai Nghi hoàn hành tốt đẹp.
    b. **Phận Sự**: Xua tan cách không thuận lợi của Rūpa (Akammaññatāvinodana rasā).
    c. **Thành Tựu**: Sự không yếu đuối (Adubbalabhāva paccupaṭṭhānā).
    d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Sắc Thích Nghi (Kammaññarūpa padaṭṭhānā).
4. **Kāyaviññattirūpa** – Sắc Thân Biểu Tri
    Sự biến đổi (Vikāra) của Vāyo Dhātu do tâm tạo là nhân cho sự chuyển động của Thân.
5. **Vacīviññattirūpa** – Sắc Ngữ Biểu Tri
    Sự biến đổi (Vikāra) của Pathavī Dhātu do tâm tạo là nhân cho lời nói phát ra.

J. Lakkhaṇarūpa – Sắc Trạng Thái (Sắc Tứ Tướng): 04

"Lakkhiyanti vinicchiyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = lakkhaṇaṃ: Do nương Rūpa này làm nhân cho Bậc Hiền Trí nhận biết thông suốt được rằng đâu là Pháp Hữu Vi, Rūpa ấy gọi là Lakkhaṇarūpa."

Đây cũng không phải loại Rūpa riêng biệt, mà là những trạng thái của Pháp Hữu Vi. Pháp Hữu Vi là Nāma có 3 trạng thái: Jāti, Jaratā, Aniccatā. Pháp Hữu Vi là Rūpa có 4 trạng thái, do chia trạng thái **Jāti** – Sinh thành 2 trạng thái là: **Upacaya** – Tích Trữ và **Santati** – Thừa Kế.

Khi 18 Sắc Thành Tựu phát sinh, tự trong Sắc Thành Tựu hẳn có Sắc Trạng Thái cùng hiện bày. Sắc Thành Tựu có thọ mạng là 17 Khaṇa. Trong đó, Khaṇa Sinh được gọi là Sắc Tích Trữ (và Sắc Thừa Kế), Khaṇa Diệt là thứ 17 được gọi là Sắc Tan Rã, còn 15 Khaṇa Trụ được gọi là Sắc Hư Hoại, vì khoảng giữa này có trạng thái già đã sinh trong đó.

1. **Upacayarūpa** – Sắc Tích Trữ
    a. **Tướng Trạng**: Sơ sinh (Ācāyalakkhaṇo).
        "Ādito ca uparito ca cayoti = upacayo: Sự sinh lần đầu và sự sinh lần sau cho đến khi sinh đủ các Sắc Thành Tựu thích hợp, gọi là Upacaya."
        - Sắc Nghiệp Tạo gọi là Sắc Tích Trữ khi:
            - Đối với Nhân loại: Từ sự sinh lên lần đầu của 3 Nhóm Sắc Nghiệp Tạo tại Thời Tái Sinh cho tới sự sinh lên của các Nhóm Sắc Nghiệp Tạo còn lại cho đến tuần lễ thứ 11 (khi tất cả Sắc Nghiệp Tạo trong 1 kiếp sống sinh lên đầy đủ số lượng).
            - Đối với hạng Thấp Sinh và Hóa Sinh: Khi những Nhóm Sắc Nghiệp Tạo cùng sinh lên ở Anukhaṇa Sinh của Thức Tái Sinh.

- Sắc Tâm Tạo, Sắc Nhiệt Lượng Tạo, Sắc Vật Thực Tạo gọi là Sắc Tích Trữ từ khi phát sinh lần đầu cho đến khi chi phần cơ thể của chúng sinh đầy đủ.

b. **Phận Sự**: Làm các loại Rūpa sinh ra lần đầu (Rūpānaṃ ummujjapanaraso).

c. **Thành Tựu**: Đầy đủ Rūpa (Paripuṇṇabhāva paccupaṭṭhāno).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Rūpa đang sinh lên (Upacitarūpapadaṭṭhāno).

2. **Santatirūpa** – Sắc Thừa Kế

a. **Tướng Trạng**: Sự tiến hóa sau khi hoàn thành các Rūpa (Pavattilakkhaṇā).

"Saṃ punappunaṃ tati = santati: Sự phát sinh liên tục của Sắc Thành Tựu, gọi là Santati."

- Sắc Nghiệp Tạo gọi là Sắc Thừa Kế khi sinh lên:
  - Đối với Nhân loại: Từ tuần thứ 12 trở đi cho đến tận 17 Khaṇa tâm trước tâm Chết.
  - Đối với hạng Thấp Sinh và Hóa Sinh: Từ sau Anukhaṇa Sinh của Thức Tái Sinh.
- Sắc Tâm Tạo, Sắc Nhiệt Lượng Tạo, Sắc Vật Thực Tạo gọi là Sắc Thừa Kế khi sinh lên sau khi chi phần cơ thể đã đầy đủ rồi, sinh liên tiếp nhau mãi cho đến suốt đời sống.

b. **Phận Sự**: Giữ cho liên tiếp (Anuppabandhanarasā).

c. **Thành Tựu**: Không gián đoạn (Anupaccheda paccupaṭṭhānā).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Rūpa được giữ cho liên tiếp (Anupabandhakarūpa padaṭṭhānā).

3. **Jaratārūpa** – Sắc Hư Hoại (Sắc Lão Mại)

"Jaratā": Sự suy đồi, trở nên già cỗi.

a. **Tướng Trạng**: Sự chín muồi của Rūpa (Rūpāparipāka lakkhaṇā).

"Saranākāro jaratā nāma: Sự tiêu mòn thoái hóa của Sắc Thành Tựu gọi là Jaratārūpa."

b. **Phận Sự**: Dẫn dắt Rūpa đến sự chấm dứt của chúng (Upānayanarasā).

c. **Thành Tựu**: Sút kém dần (Navabhāvāpagamana paccupaṭṭhānā).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Rūpa tiêu mòn (Paripaccamānarūpa padaṭṭhānā).

4. **Aniccatārūpa** – Sắc Tan Rã (Sắc Vô Thường).

a. **Tướng Trạng**: Sự hư hao, phân rã của Rūpa (Paribheda lakkhaṇā).

"Aniccānaṃ bhāvo = aniccatā: Sự đang diệt của Sắc Thành Tựu gọi là Aniccatā."

b. **Phận Sự**: Làm Rūpa chìm lắng (Saṃsīdanarasā).

c. **Thành Tựu**: Cách tiêu hoại (Khayavayapaccupaṭṭhānā).

d. **Nguyên Nhân Gần**: Có Rūpa đang tiêu mất (Paribhijjamānarūpa padaṭṭhānā).

10 Rūpa trên không được bao gồm trong những pháp Chân Đế, được gọi là:

1. **Anipphannarūpa** – Sắc Phi Thành Tựu: Không sinh lên từ 4 nguyên nhân: Kamma, Citta, Utu, Āhāra. Thay vào đó, chúng tồn tại như những thuộc tính của 18 Sắc Thành Tựu.
2. **Asabhāvarūpa** – Sắc Phi Thực Tính: Không có Tướng Trạng riêng của mình.
3. **Asalakkhaṇarūpa** – Sắc Phi Tướng: Không sở hữu Tam Tướng của Pháp Hữu Vi.
4. **Arūparūpa**: Vì chúng không bị biến dạng do Nóng, Lạnh…
5. **Asammasanarūpa**: **Không thích nghi để được suy niệm**. Chúng không được thấy rõ trong Vipassanā.

RŪPAVIBBHĀGANĀYA – TRÌNH BÀY SẮC PHÁP MỘT CÁCH CHI TIẾT

I. RŪPA GỌI TÊN THEO THỰC TÍNH: 08

1. **Ahetuka** – Vô Nhân: Rūpa không kết hợp với Hetu nào. Chỉ có Nāma mới kết hợp với Hetu.
2. **Sappaccaya** – Hữu Duyên: Rūpa **có nguyên nhân** làm phát sinh (Kamma, Citta, Utu, Āhāra).
3. **Sāsava** – Cảnh Lậu: Rūpa là Đối tượng của 3 trong 4 Āsava là Dục Lậu, Tà Kiến Lậu, Vô Minh Lậu.
4. **Saṅkhata** – Hữu Vi: Rūpa **bị trợ tạo** bởi 4 nguyên nhân: Kamma, Citta, Utu, Āhāra.
5. **Lokiya** – Hiệp Thế: Rūpa không bao giờ là Siêu Thế. Nāma có thể là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế.
6. **Kāmāvacara** – Thuộc Về Dục Giới: Vì là Đối tượng của Kāmataṇhā.
7. **Anārammaṇa** – Vô Cảnh: Rūpa không thể biết Đối tượng, chính Rūpa là Đối tượng.
   Nāma vừa có thể biết Đối tượng, vừa tự có thể là Đối tượng.
8. **Appahātābba** – Phi Trừ: Rūpa không thể bị tuần tự đoạn trừ bởi Đạo Tuệ. Điều này không hàm nghĩa rằng Rūpa *"không thể bị hủy diệt"* vì Rūpa vẫn bị Vô Thường chi phối.

II. 28 RŪPA PHÂN CHIA THEO CẶP: 11

A. Sắc Nội Và Sắc Ngoại

1. **Ajhattikarūpa** – Sắc Nội: **05** Sắc Thần Kinh.
   Gọi là Sắc Nội ở đây không phải với ý nghĩa là Rūpa sinh bên trong thân thể mà với ý nghĩa là lợi ích, bởi vì 5 Sắc Thần Kinh này có lợi ích cho nhiều chúng sinh. Thân thể của chúng sinh nếu không có 5 Sắc Thần Kinh thì không khác gì khúc gỗ. Như người có lợi ích giúp được nhiều việc, ta cũng gọi những người đó là người bên trong người nội bộ, thuộc vào đội ngũ của ta.
2. **Bahirarūpa** – Sắc Ngoại: **23** Rūpa còn lại.
   Sắc Ngoại ở đây cũng không có nghĩa là Rūpa sinh bên ngoài cơ thể, chúng có thể vẫn ở bên trong cơ thể, nhưng chúng không có ích lợi nhiều như 5 Sắc Thần Kinh. Giống như người bên ngoài không giúp được nhiều việc như người bên trong.

B. Sắc Vật Và Sắc Phi Vật

1. **Vatthurūpa** – Sắc Vật (Sắc Hữu Vật): **06** = 5 Sắc Thần Kinh + Sắc Ý Vật.
   Tâm và tâm sở sinh lên được ở Cõi Ngũ Uẩn phải nương nhờ Sắc Vật.
2. **Avatthurūpa** – Sắc Phi Vật (Sắc Vô Vật): **22** Rūpa còn lại.
   Sắc Phi Vật không phải nơi tâm và tâm sở có thể nương nhờ để sinh lên.

C. Sắc Môn Và Sắc Phi Môn

1. **Dvārarūpa** – Sắc Môn: **07** = 5 Sắc Thần Kinh + 2 Sắc Truyền Thông.
   Sự phát sinh của Lộ Trình Tâm và sự phát sinh của Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp cần phải nương một trong những Sắc Môn:
   - 5 Sắc Thần Kinh là Sắc Môn cho Sắc Đối Tượng đi vào để Lộ Trình Ngũ Môn phát sinh.
   - 2 Sắc Truyền Thông là **Kammadvāra** – Nghiệp Môn cho Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp phát sinh.
2. **Advārarūpa** – Sắc Phi Môn: **21** Rūpa còn lại.
   Sắc Phi Môn không làm nhân sinh cho Lộ Trình Tâm hay Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp.

D. Sắc Quyền Và Sắc Phi Quyền

1. **Indriyarūpa** – Sắc Quyền: **08** = 5 Sắc Thần Kinh + 2 Sắc Giới Tính + Sắc Mạng Quyền.
   Sắc Quyền có khả năng kiểm soát trong lĩnh vực của chúng.
2. **Anindriyarūpa** – Sắc Phi Quyền: **20** Rūpa còn lại.
   Sắc Phi Quyền không có quyền hay cai quản trong các phận sự nào.

E. Sắc Thô Và Sắc Tế

1. **Oḷārikarūpa** – Sắc Thô: **12** = 5 Sắc Thần Kinh +7 Sắc Đối Tượng.

2. **Sukhumarūpa** – Sắc Tế: **16** Rūpa còn lại.

Sắc Thô không có nghĩa là sự thô ráp của Rūpa, mà có nghĩa là hiện bày rõ. Tức là những Rūpa này hiện bày rất rõ khi quán xét bằng Paññā. Sắc Tế thì không hiện bày rõ khi quán xét bằng Paññā.

F. Sắc Gần Và Sắc Xa

1. **Santikerūpa** – Sắc Gần: **12** = 5 Sắc Thần Kinh +7 Sắc Đối Tượng.
2. **Dūrerūpa** – Sắc Xa: **16** Rūpa còn lại.

Sắc Gần là dễ nhận biết khi quán xét bằng Paññā. Sắc Xa thì khó nhận biết khi quán xét bằng Paññā.

G. Sắc Hữu Đối Chiếu Và Sắc Vô Đối Chiếu

1. **Sappaṭigharūpa** – Sắc Hữu Đối Chiếu: **12** = 5 Sắc Thần Kinh +7 Sắc Đối Tượng.

   12 Sắc Hữu Đối Chiếu có sự đối chiếu nhau, đó là: Thần Kinh Thị Giác với Sắc Cảnh Sắc, Thần Kinh Thính Giác với Sắc Cảnh Thanh, Thần Kinh Khứu Giác với Sắc Cảnh Mùi, Thần Kinh Vị Giác với Sắc Cảnh Vị, Thần Kinh Xúc Giác với Sắc Cảnh Xúc có thể đối chiếu nhau.
2. **Appaṭigharūpa** – Sắc Vô Đối Chiếu: **16** Rūpa còn lại.

   16 Sắc Vô Đối Chiếu không đối chiếu nhau theo Pháp Thực Tính.

H. Sắc Do Thủ Và Sắc Không Do Thủ

1. **Upādinnarūpa** – Sắc Do Thủ (Sắc Thủ): **18** Sắc Nghiệp Tạo.
2. **Anupādinnarūpa** – Sắc Không Do Thủ (Sắc Phi Thủ): **40** = 15 Sắc Tâm Tạo + 13 Sắc Nhiệt Lượng Tạo + 12 Sắc Vật Thực Tạo.

I. Sắc Thấy Được Và Sắc Không Thấy Được

1. **Sanidassanarūpa** – Sắc Thấy Được (Sắc Hữu Kiến/Sắc Nhập): **01** Sắc Cảnh Sắc.
2. **Anidassanarūpa** – Sắc Không Thấy Được (Sắc Phi Hữu Kiến/Sắc Vô Kiến): **27** Rūpa còn lại.

J. Sắc Thu Cảnh Và Sắc Không Thu Cảnh

1. **Gocaraggāhikarūpa** – Sắc Thu Cảnh: **05** Sắc Thần Kinh.

   Sắc Thu Cảnh tiếp thu Sắc Đối Tượng (chỉ) như tấm gương thu hình ảnh, chứ không nhận biết Đối tượng như Nāma. 5 Sắc Thu Cảnh chia làm 2 loại:
   - **Asampattagocaraggāhakarūpa** – Sắc Thu Viễn Cảnh (Sắc Nhiếp Viễn Cảnh): **02** = Thần Kinh Thị Giác + Thần Kinh Thính Giác.

     Sắc Thu Viễn Cảnh tiếp thu Sắc Đối Tượng mà không đụng chạm. Nếu Sắc Đối Tượng đã đụng chạm thì không thể thu nhận được.
     - Thần Kinh Thị Giác chỉ tiếp thu Sắc Cảnh Sắc chưa chạm vào nó.
     - Thần Kinh Thính Giác chỉ tiếp thu được Sắc Cảnh Thanh ở khoảng cách thích hợp.
   - **Sampattagocaraggāhakarūpa** – Sắc Thu Cận Cảnh (Sắc Nhiếp Cận Cảnh): **03** = Thần Kinh Khứu Giác + Thần Kinh Vị Giác + Thần Kinh Xúc Giác.

     Sắc Thu Cận Cảnh chỉ tiếp thu Sắc Đối Tượng đã đụng chạm. Nếu Sắc Đối Tượng chưa chạm đến thì không thể thu nhận được.
2. **Agocaraggāhikarūpa** – Sắc Không Thu Cảnh (Sắc Bất Thâu Cảnh): **23** Rūpa còn lại.

   Sắc Không Thu Cảnh thì không tiếp thu được Sắc Đối Tượng.

K. Sắc Bất Ly Và Sắc Hữu Ly

1. **Avinibbhogarūpa** – Sắc Bất Ly: **08** = 4 Sắc Đại Hiển + Sắc Cảnh Sắc + Sắc Cảnh Mùi + Sắc Cảnh Vị + Sắc Vật Thực.

   8 Rūpa này luôn sinh lên cùng nhau và không thể tách rời, còn được gọi là **Suddhatthaka** – Nhóm Bát Thuần. 8 Sắc Bất Ly được xem là nền tảng của vật chất, có thể nói, chính Sắc Bất Ly tạo ra núi non, cây cối, hình dáng cơ thể chúng sinh. Dù trong vật chất nhỏ nhất như một hạt cơ bản cũng phải có 8 Sắc Bất Ly này.

   08 Sắc Bất Ly còn gọi là ***"Ojaṭṭhamaka Kalāpa"***: Nhóm Có Ojā Là Yếu Tố Thứ 8. Trong đó:

- **Ojā** trong Sắc Bất Ly do Nghiệp tạo gọi là **Kammajaojā** – Dưỡng Chất Do Nghiệp Tạo.
- **Ojā** trong Sắc Bất Ly do Tâm tạo gọi là **Cittajaojā** – Dưỡng Chất Do Tâm Tạo.
- **Ojā** trong Sắc Bất Ly do Nhiệt Lượng tạo là **Utujaojā** – Dưỡng Chất Do Nhiệt Lượng Tạo.
- **Ojā** trong Sắc Bất Ly do Vật Thực tạo gọi là **Āhārajaojā** – Dưỡng Chất Do Vật Thực Tạo.

2. **Vinibbhogarūpa** – Sắc Hữu Ly: **20** Rūpa còn lại.

Cho dù các Sắc Hữu Ly có thể tách rời nhau để phát sinh trong Nhóm Sắc riêng của mình, nhưng phải luôn sinh lên cùng 8 Sắc Bất Ly.

VD: Thần Kinh Thị Giác và Thần Kinh Thính Giác không sinh lên cùng nhau, nhưng luôn sinh lên cùng 8 Sắc Bất Ly.

RŪPASAMUṬṬHĀNANĀYA –
TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH CỦA SẮC PHÁP

Rūpa cũng phải có nguyên nhân (duyên) để sinh lên, đó là: **Kamma**, **Citta**, **Utu**, **Āhāra**. Trong đó, Rūpa của loài Hữu tình do cả 4 nguyên nhân, còn Rūpa của vật Vô tri chỉ do 1 nguyên nhân là **Utu**.

I. KAMMASAMUṬṬHĀNA RŪPA – SẮC KHỞI SINH DO NGHIỆP LÀM DUYÊN

A. Nghiệp Kiến Tạo Rūpa

Có tất cả **33** loại Nghiệp, nhưng loại Nghiệp làm nguyên nhân cho Rūpa sinh lên chỉ có **25** loại, đó là tâm sở Cetanā kết hợp với 12 Bất Thiện + 8 Đại Thiện + 5 Thiện Sắc Giới.

- 4 Thiện Vô Sắc Giới thành tựu do Tu Tiến Ly Sắc, là Nghiệp không làm phát sinh Rūpa.
- 4 Thiện Siêu Thế thành tựu do Tu Tiến Vipassanā, là Nghiệp đoạn trừ Sinh Hữu, trong khi Rūpa là Hữu (sự sống). Do đó Thiện Siêu Thế không làm phát sinh Rūpa.

25 loại Nghiệp đã tạo trong kiếp Quá khứ hay kiếp Hiện tại đó bắt đầu kiến tạo Sắc Nghiệp Tạo ngay từ Anukhaṇa Sinh của Thức Tái Sinh, và liên tục kiến tạo Sắc Nghiệp Tạo **tại mỗi Anukhaṇa tâm** trong suốt đời sống. Cho đến Khaṇa thứ 17 tính ngược lại từ tâm Chết, thì Nghiệp mới dừng kiến tạo thêm Sắc Nghiệp Tạo. Vì Sắc Nghiệp Tạo phải diệt đi hoàn toàn cùng sự diệt đi của tâm Chết.

B. Kammajarūpa – Sắc Nghiệp Tạo

Sắc Nghiệp Tạo còn gọi là Sắc Do Thủ gồm: **18** = 5 Sắc Thần Kinh + 2 Sắc Giới Tính + Sắc Ý Vật + Sắc Mạng Quyền + 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới.

1. **09** = 5 Sắc Thần Kinh + 2 Sắc Giới Tính + Sắc Ý Vật + Sắc Mạng Quyền là "***Ekantakammajarūpa***": Rūpa **CHỈ** Do Nghiệp Tạo.

   "*Ekantakammajarūpa*" chỉ sinh lên trong thân chúng sinh mà thôi, vì những Rūpa này chỉ sinh từ Thiện Nghiệp hoặc Ác Nghiệp. Do đó: Cây cỏ, núi rừng… được xem là vô tri, vì không có khả năng tri giác, giới tính hay mạng sống như của chúng sinh. Có thể có cái được gọi là đời sống trong cây cỏ, nhưng đời sống đó không phải là Sắc Mạng Quyền.

   - 5 Sắc Thần Kinh sinh lên từ Nghiệp có Sắc Ái, Thanh Ái, Hương Ái, Vị Ái, Xúc Ái là Cận Y Duyên.
   - 2 Sắc Giới Tính sinh lên từ Nghiệp có Kāmarāga liên quan đến ***"Methunadhamma"***: Cách hành dâm là Cận Y Duyên.

2. **09** = 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới là ***"Anekantakammajarūpa"***: Rūpa Không Chỉ Do Nghiệp Tạo.

   09 Rūpa này khi là Sắc Nghiệp Tạo thì chỉ sinh lên trong thân chúng sinh. Khi do những nguyên nhân khác thì có thể sinh lên bên ngoài thân chúng sinh.

II. CITTASAMUṬṬHĀNA RŪPA – SẮC KHỞI SINH DO TÂM LÀM DUYÊN

A. Tâm Kiến Tạo Rūpa

Có 89 (hay 121) loại tâm, nhưng loại tâm làm nguyên nhân cho Rūpa sinh lên chỉ có **75** (hay **107**).

- 4 Quả Vô Sắc Giới là Vipāka của Thiện Vô Sắc Giới được thành tựu do Tu Tiến Ly Sắc.
  (Tất cả các tâm sinh lên với Vô Sắc Giới Thiên cũng không làm cho Rūpa sinh lên được.)
- Ngũ Song Thức thì quá yếu để tạo ra Rūpa.
- Thức Tái Sinh có mãnh lực yếu vì nó phải phụ thuộc vào một Vatthu yếu kém nên không tạo ra được Rūpa.
- Tâm Chết của Vị Thánh Arahant không tạo ra Rūpa nào. Với chúng sinh khác thì vẫn có.

75 (hay 107) loại tâm đó bắt đầu kiến tạo Sắc Tâm Tạo từ Anukhaṇa Sinh của tâm Hộ Kiếp Thứ Nhất và **tại mỗi Anukhaṇa Sinh** của 75 (hay 107) loại tâm đó khi phát sinh lên sau này.

Tâm không kiến tạo được Sắc Tâm Tạo ở Anukhaṇa Trụ và Anukhaṇa Diệt của nó. Đó là vì Nāma mạnh nhất tại Anukhaṇa Sinh và yếu dần tại Anukhaṇa Trụ và Anukhaṇa Diệt. Nó chỉ có thể tạo ra Sắc Tâm Tạo tại thời điểm mạnh nhất của mình.

B. Cittajarūpa – Sắc Tâm Tạo

Sắc Tâm Tạo gồm: **15** = 5 Sắc Đặc Biệt + Sắc Cảnh Thanh + 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới.

1. **02** Sắc Truyền Thông là ***"Ekantacittajarūpa"***: Rūpa **CHỈ** Do Tâm Tạo.
   Có nghĩa là sự truyền đại ý nghĩa bằng thân hay lời nói chỉ có với vật có Sắc Mạng Quyền, bởi vì là Rūpa phát sinh do nương tâm và tâm sở.
2. **13** = Sắc Nhẹ Nhàng + Sắc Mềm Mại + Sắc Thích Nghi + Sắc Cảnh Thanh + 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới là ***"Anekantacittajarūpa"***: Rūpa Không Chỉ Do Tâm Tạo, mà do cả những duyên khác nữa.

Sắc Tâm Tạo Có Các Cách Sau:

Tâm	Thông Thường	Cười	Khóc	Sắc Truyền Thông	Tiểu Oai Nghi	Đại Oai Nghi		Total
						Tạo	Kìm	
19 = 3 Ý Giới + 8 Đại Quả + 3 Suy Xét + 5 Quả Sắc Giới	X							1
26 (hay 58) Javana Kiên Cố	X						X	2
2* Abhiññā	X			X	X	X	X	5
15 = 4 tâm căn Tham đồng sinh với thọ Xả + 2 tâm căn Si + Hướng Ý Môn + 4 Đại Thiện đồng sinh với thọ Xả + 4 Đại Duy Tác đồng sinh với thọ Xả	X			X	X	X	X	5
13 Javana Thọ Hỷ Dục Giới	X	X		X	X	X	X	6
2 tâm căn Sân đồng sinh với thọ Ưu	X		X	X	X	X	X	6
Total	**75**	**13**	**2**	**32**	**32**	**32**	**56**	

III. UTUSAMUṬṬHĀNA RŪPA – SẮC KHỞI SINH DO NHIỆT LƯỢNG LÀM DUYÊN

A. Utu Kiến Tạo Rūpa

"Utu": Khí hậu (Thời tiết). Tất cả hiện tượng tự nhiên như Thực vật, đất đai Nóng, Lạnh, Gió, Bão, Sấm sét… đều được tạo ra và duy trì bởi **Tejo Dhātu**.

Vì Tejo Dhātu là Rūpa nên có sức mạnh nhất là trong giai đoạn 49 Anukhaṇa Trụ. Tejo Dhātu diễn tiến đến giai đoạn Trụ thì kiến tạo Sắc Nhiệt Lượng Tạo. Tại Anukhaṇa Sinh và Anukhaṇa Diệt, Tejo Dhātu yếu sức nên không thể tạo ra Rūpa.

1. Tejo Dhātu bên trong chúng sinh thì trợ cho Sắc Nhiệt Lượng Tạo sinh khởi trong chúng sinh.
2. Tejo Dhātu bên ngoài trợ cho Sắc Nhiệt Lượng Tạo sinh khởi bên ngoài chúng sinh.

Điều được ghi nhận là Tejo Dhātu bên trong không thể tạo ra Rūpa nếu không có sự hỗ trợ của Tejo Dhātu bên ngoài. Tuy vậy, Tejo Dhātu bên ngoài thì lúc nào cũng có.

Còn Tejo Dhātu trong thân xác của chúng sinh đã Chết thì đã là Tejo Dhātu bên ngoài.

B. Utujarūpa – Sắc Nhiệt Lượng Tạo

Sắc Nhiệt Lượng Tạo gồm: **13** = Sắc Cảnh Thanh + Sắc Nhẹ Nhàng + Sắc Mềm Mại + Sắc Thích Nghi + 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới.

Sắc Nhiệt Lượng Tạo thì không có ***"Ekantautujarūpa"***, tất cả đều là ***"Anekantautujarūpa"***.

Có 4 loại Sắc Nhiệt Lượng Tạo:

1. **Kammapaccayautujarūpa** – Sắc Nhiệt Lượng Do Sắc Nghiệp: Tejo Dhātu trong Nhóm Sắc Nghiệp Tạo diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ thì trợ cho Sắc Nhiệt Lượng Tạo là 8 Sắc Bất Ly khởi sinh (thế hệ thứ 1). Tejo Dhātu trong 8 Sắc Bất Ly đó diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ thì trợ cho 8 Sắc Bất Ly nữa sinh khởi (thế hệ thứ 2)… Phương thức như vậy diễn tiến 4 – 5 thế hệ (vāra).
2. **Cittapaccayautujarūpa** – Sắc Nhiệt Lượng Do Sắc Tâm: Tejo Dhātu trong Nhóm Sắc Tâm Tạo diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ thì trợ cho Sắc Nhiệt Lượng Tạo là 8 Sắc Bất Ly khởi sinh (thế hệ thứ 1). Tejo Dhātu trong 8 Sắc Bất Ly đó diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ thì trợ cho 8 Sắc Bất Ly nữa sinh khởi (thế hệ thứ 2)… Phương thức như vậy diễn tiến 2 – 3 thế hệ (vāra).
3. **Utupaccayautujarūpa** – Sắc Nhiệt Lượng Do Sắc Nhiệt: Tejo Dhātu trong Nhóm Sắc Nhiệt Lượng Tạo diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ thì trợ cho 8 Sắc Bất Ly khởi sinh. Cứ diễn tiễn như vậy…
4. **Āhārapaccayautujarūpa** – Sắc Nhiệt Lượng Do Sắc Vật Thực: Tejo Dhātu trong Nhóm Sắc Vật Thực Tạo diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ thì trợ cho Sắc Nhiệt Lượng Tạo là 8 Sắc Bất Ly khởi sinh.

IV. ĀHĀRASAMUṬṬHĀNA RŪPA – SẮC KHỞI SINH DO VẬT THỰC LÀM DUYÊN.

A. Vật Thực Kiến Tạo Rūpa

"Āhāra" ở đây là nói đến Ojā, gồm 2 loại:

- **Bahiddhaojā** – Dưỡng Chất Ngoại: Là Ojā từ bên ngoài đưa vào nuôi cơ thể. Không chỉ riêng trong Đoàn Thực, mà trong thuốc… cũng có Ojā.
- **Ajjhattaojā** – Dưỡng Chất Nội: Là Ojā trong các Nhóm Sắc ở trong thân chúng sinh.

Dưỡng Chất Ngoại được Vāyo Dhātu vận chuyển đến tất cả bộ phận của cơ thể. Vì vậy, Dưỡng Chất Nội và Dưỡng Chất Ngoại gặp nhau ở khắp toàn thân. Thời điểm chúng hoà vào nhau gọi là Anukhaṇa Sinh. Đến Anukhaṇa Trụ thì Dưỡng Chất Nội làm nhiệm vụ thúc đẩy, còn Dưỡng Chất Ngoại làm nhiệm vụ trực tiếp tạo ra các thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo trong mỗi Anukhaṇa Trụ của nó, liên tục cho đến khi sự kết hợp kết thúc.

(Một vị giáo thọ sư trong Phụ Sớ của Visuddhimagga có quan điểm khác, đó là: Dưỡng Chất Nội trực tiếp tạo ra các thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo, còn Dưỡng Chất Ngoại thì thúc đẩy.)

Số lượng các thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo được tạo ra thì tuỳ thuộc vào sức mạnh của cả 2 loại Dưỡng Chất Nội và Dưỡng Chất Ngoại, và sự tái tạo này chỉ có khi được hỗ trợ bởi Pācakatejo.

1. Hợp chất **Dưỡng Chất Do Nghiệp Tạo** và Dưỡng Chất Ngoại diễn tiến đến giai đoạn Trụ thì tạo ra Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo. Ojā trong Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo đó diễn tiến đến giai đoạn Trụ… 4 – 5 thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo được tạo ra theo cách như vậy.
2. Hợp chất **Dưỡng Chất Do Tâm Tạo** và Dưỡng Chất Ngoại diễn tiến đến giai đoạn Trụ thì tạo ra Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo. Ojā trong Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo đó diễn tiến đến giai đoạn Trụ… 2 – 3 thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo được tạo ra theo cách như vậy.
3. Hợp chất **Dưỡng Chất Do Vật Thực Tạo** trước đó và Dưỡng Chất Ngoại đến giai đoạn Trụ thì tạo ra Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo. Ojā trong Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo đó diễn tiến đến giai đoạn Trụ… 10 – 12 thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo được tạo ra theo cách như vậy.
4. Hợp chất **Dưỡng Chất Do Nhiệt Lượng Tạo** và Dưỡng Chất Ngoại diễn tiến đến giai đoạn Trụ thì tạo ra Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo. Ojā trong Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo đó diễn tiến đến giai đoạn Trụ… 10–12 thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo được tạo ra theo cách như vậy.

Trong các thế hệ Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo này cũng có Tejo Dhātu, đến giai đoạn Trụ thì Tejo Dhātu này cũng tạo ra nhiều thế hệ những Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo nữa.

B. Āhārajarūpa – Sắc Vật Thực Tạo

Sắc Vật Thực Tạo gồm: **12** = Sắc Nhẹ Nhàng + Sắc Mềm Mại + Sắc Thích Nghi + 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới.

Sắc Vật Thực Tạo thì không có ***"Ekantaāhārajarūpa"***. Tất cả đều là ***"Anekantaāhārajarūpa"***.

Nhân Sinh Rūpa

28 Rūpa \ Nhân Sinh Rūpa	Kamma	Citta	Utu	Āhāra	-	Tổng Nhân
5 Sắc Thần Kinh + 2 Sắc Giới Tính + Sắc Ý Vật + Sắc Mạng Quyền = **9**	X					**1**
Sắc Thân Biểu Tri + Sắc Ngữ Biểu Tri = **2**		X				**1**
Sắc Cảnh Thanh = **1**		X	X			**2**
Sắc Nhẹ Nhàng + Sắc Mềm Mại + Sắc Thích Nghi = **3**		X	X	X		**3**
8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới = **9**	X	X	X	X		**4**
Sắc Trạng Thái = **4**					X	**0**
Tổng Tâm	**18**	**15**	**13**	**12**	**4**	

1. ***"Ekasamuṭṭhānikarūpa"***: Rūpa sinh lên từ chỉ 1 nguyên nhân: **11**
   - ***"Ekantakammajarūpa"***: **09** = 5 Sắc Thần Kinh + 2 Sắc Giới Tính + Sắc Ý Vật + Sắc Mạng Quyền.
   - ***"Ekantacittajarūpa"***: **02** Sắc Truyền Thông.
2. ***"Dvisamuṭṭhānikarūpa"***: Rūpa sinh lên do 2 nguyên nhân: **01** Sắc Cảnh Thanh.

   Tiếng nói, tiếng cười, tiếng rên la, tiếng khóc, tiếng hát và tiếng huýt sáo… là Sắc Tâm Tạo.

   Tiếng sôi bụng, tiếng ho, hắt hơi… là Sắc Nhiệt Lượng Tạo.

   Tiếng sấm, tiếng nhạc cụ, tiếng từ radio, tiếng ồn từ xe cộ… là Sắc Nhiệt Lượng Tạo.

3. ***"Tisasamuṭṭhānikarūpa"***: Rūpa sinh lên do 3 nguyên nhân: **03** = Sắc Nhẹ Nhàng + Sắc Mềm Mại + Sắc Thích Nghi.
   3 Sắc Đặc Biệt này sinh lên do 3 nguyên nhân: Citta, Utu, Āhāra.
4. ***"Catusamuṭṭhānikarūpa"***: Rūpa sinh lên do 4 nguyên nhân: **09** = 8 Sắc Bất Ly + Sắc Giao Giới.
   Dù Sắc Giao Giới không có thực thể, nhưng vì nó kết hợp với tất cả những Sắc Thành Tựu nên Sắc Giao Giới cũng nói được là tạo nên do Kamma, Citta, Utu, Āhāra. Vì vậy, Sắc Giao Giới cùng sinh và diệt cùng lúc với những Sắc Thành Tựu.
5. ***"Nakutocisamuṭṭhānikarūpa"***: Rūpa không sinh từ một nguyên nhân nào: **04** Sắc Trạng Thái.
   Đó chỉ là trạng thái của 18 Sắc Thành Tựu mà thôi chứ không phải là Rūparūpa.

RŪPAKALĀPANĀYA – TRÌNH BÀY SẮC PHÁP THEO NHÓM

28 loại Rūpa không tìm thấy riêng lẻ, chúng được sinh lên dưới dạng những **Rūpakalāpa** – Nhóm Sắc (Bọn Sắc). Những Rūpa trong cùng Kalāpa có 3 loại *"Sahavutti"*: Đồng hành:

- **Ekuppāda**: Tất cả Rūpa trong Kalāpa cùng Sinh.
- **Ekanirodha**: Tất cả Rūpa trong Kalāpa cũng cùng Diệt.
- **Ekanissaya**: Chúng cùng nương vào 4 Sắc Đại Hiển hiện diện trong Kalāpa để sinh lên.

Nhóm Sắc có kích thước rất nhỏ, không thể thấy dù dưới kính hiển vi. Lý thuyết về nguyên tử cũng thịnh hành ở Ấn Độ vào thời Đức Phật. Paramānu là một danh từ tương đương với chữ *"nguyên tử"* (atom) thời hiện đại. Theo sự tin tưởng thời bấy giờ, một hạt bụi vởn vơ trong ánh sáng được gọi là Ratheraṇu; 1 Rathareṇu gồm 36 Tajjāris; 1 Tajjāri bằng 36 Aṇus; 1 Aṇu bằng 36 Paramāṇus. Vậy, 1 Paramāṇu bằng 1/46,656 Rathareṇu. Paramāṇu này được xem như không thể còn phân chia được nữa, như hiện nay thì nguyên tử là phần tử nhỏ nhất của vật chất bất khả phân chia, mỗi nguyên tử được cấu tạo bởi électron, proton và neutron.

Kích thước của Nhóm Sắc trong Nhân Giới chỉ bằng 10^{-5} của 1 Paramānu.

Tất cả **21** (hoặc **23**) Nhóm Sắc, được cấu thành từ 23 loại Rūpa, với 8 Sắc Bất Ly là hạt nhân.

- Sắc Giao Giới là Rūpa xác định ranh giới giữa Nhóm Sắc này với Nhóm Sắc khác. Cho nên, Sắc Giao Giới thì không có **trong** những Nhóm Sắc.
- 4 Sắc Trạng Thái chỉ biểu thị trạng thái của các Nhóm Sắc, cho nên cũng không được bao gồm trong những Nhóm Sắc.

I. KAMMAJA KALĀPA – NHÓM SẮC NGHIỆP TẠO: 09

9 Nhóm Sắc Nghiệp Tạo này hình thành từ 17 thứ Sắc Nghiệp Tạo (18 – Sắc Giao Giới). Tất cả Nhóm Sắc Nghiệp Tạo luôn bao gồm Sắc Mạng Quyền.

Rūpa \ Kalāpa	Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp	Nhóm Nhãn Thập Pháp	Nhóm Nhĩ Thập Pháp	Nhóm Tỷ Thập Pháp	Nhóm Thiệt Thập Pháp	Nhóm Thân Thập Pháp	Nhóm Nữ Tính Thập Pháp	Nhóm Nam Tính Thập Pháp	Nhóm Ý Vật Thập Pháp
8 Sắc Bất Ly	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sắc Mạng Quyền	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thần Kinh Thị Giác		X							
Thần Kinh Thính Giác			X						
Thần Kinh Khứu Giác				X					
Thần Kinh Vị Giác					X				
Thần Kinh Xúc Giác						X			
Sắc Nữ Tính							X		
Sắc Nam Tính								X	
Sắc Ý Vật									X
17	9	10	10	10	10	10	10	10	10

1. **Jīvita Navaka Kalāpa** – Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp: Nhóm có Sắc Mạng Quyền là thứ 9.
2. **Cakkhu Dasaka Kalāpa** – Nhóm Nhãn Thập Pháp: Nhóm có Thần Kinh Thị Giác là thứ 10.
3. **Sota Dasaka Kalāpa** – Nhóm Nhĩ Thập Pháp: Nhóm có Thần Kinh Thính Giác là yếu tố thứ 10.
4. **Ghāna Dasaka Kalāpa** – Nhóm Tỷ Thập Pháp: Nhóm có Thần Kinh Khứu Giác là yếu tố thứ 10.
5. **Jīvhā Dasaka Kalāpa** – Nhóm Thiệt Thập Pháp: Nhóm có Thần Kinh Vị Giác là yếu tố thứ 10.
6. **Kāya Dasaka Kalāpa** – Nhóm Thân Thập Pháp: Nhóm có Thần Kinh Xúc Giác là yếu tố thứ 10.
7. **Itthibhāva Dasaka Kalāpa** – Nhóm Nữ Tính Thập Pháp: Nhóm có Sắc Nữ Tính là yếu tố thứ 10.
8. **Pumbhāva Dasaka Kalāpa** – Nhóm Nam Tính Thập Pháp: Nhóm có Sắc Nam Tính là thứ 10.
9. **Hadayavatthu Dasaka Kalāpa** – Nhóm Ý Vật Thập Pháp: Nhóm có Sắc Ý Vật là yếu tố thứ 10.

* Nhóm Nam Tính Thập Pháp và Nhóm Nữ Tính Thập Pháp gọi chung là **Bhāva Dasaka Kalāpa** – Nhóm Giới Tính Thập Pháp.

9 Nhóm Sắc Nghiệp Tạo này chỉ có trong chúng sinh. Trong 1 chúng sinh có nhiều nhất 8 Nhóm Sắc Nghiệp Tạo, vì Nhóm Nữ Tính Thập Pháp và Nhóm Nam Tính Thập Pháp không đồng sinh được.

II. CITTAJA KALĀPA – NHÓM SẮC TÂM TẠO: 06 (HAY 08)

Vi Diệu Pháp Toát Yếu chỉ trình bày 6 Nhóm Sắc Tâm Tạo. Visuddhimagga trình bày 8 Nhóm Sắc Tâm Tạo là thêm Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp và Nhóm Âm Thanh Đặc Biệt Thập Nhị Pháp.

6 hay 8 Nhóm Sắc Tâm Tạo được hình thành từ 14 thứ Sắc Tâm Tạo (15 – Sắc Giao Giới) và chỉ sinh trong chúng sinh có Sắc Mạng Quyền mà thôi.

Rūpa \ Kalāpa	Mūlakalāpa				Mūlikalāpa			
	Nhóm Bát Thuần Tâm Tạo	Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp	Nhóm Thân Biểu Tri Cửu Pháp	Nhóm Ngữ Biểu Tri Thập Pháp	Nhóm Đặc Biệt Thập Nhất Pháp	Nhóm Âm Thanh Đặc Biệt Thập Nhị Pháp	Nhóm Thân Đặc Biệt Mười Hai Pháp	Nhóm Ngữ Đặc Biệt Thập Tam Pháp
8 Sắc Bất Ly	X	X	X	X	X	X	X	X
Sắc Thân Biểu Tri			X				X	
Sắc Ngữ Biểu Tri				X				X
Sắc Cảnh Thanh		X		X		X		X
Sắc Nhẹ Nhàng, Sắc Mềm Mại, Sắc Thích Nghi					X	X	X	X
14	8	9	9	10	11	12	12	13

A. Mūlakalāpa – Nhóm Sắc Gốc

1. **Cittaja Suddhaṭṭhaka Kalāpa** – Nhóm Bát Thuần Tâm Tạo: Phát sinh khi không liên hệ với Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri, hay Âm Thanh nào, và sinh khi tâm mệt mỏi, không mạnh mẽ. Đó là sự kìm vững Oai Nghi, biểu hiện của hơi thở vào ra, trạng thái phồng, xẹp ở bụng… không được thoải mái. Khi giận thì đỏ mặt tía tai, khi Sợ Hãi thì rùng mình…
2. **Sadda Navaka Kalāpa** – Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp: Phát sinh khi có Âm Thanh hiện bày mà không liên hệ với Ngữ Biểu Tri và sinh trong khi tâm yếu. Đó là Âm Thanh sinh từ hơi thở ra vào, ợ, ngáp, Âm Thanh ngủ mớ không biết chuyện gì.
3. **Kāyaviññatti Navaka Kalāpa** – Nhóm Thân Biểu Tri Cửu Pháp: Phát sinh khi các Oai Nghi chuyển động yếu ớt, không vững vàng, linh hoạt… tức là khi tâm yếu mềm, không cứng rắn.
4. **Vacīviññatti Sadda Dasaka Kalāpa** – Nhóm Ngữ Biểu Tri Thập Pháp: Phát sinh khi nói, đọc, hát… yếu ớt, thể thào, không rõ ràng… khi không khỏe hay tâm trạng không vừa lòng.

B. Mūlikalāpa – Nhóm Sắc Ngọn

1. **Lahutādi Ekādasaka Kalāpa** – Nhóm Đặc Biệt Thập Nhất Pháp: Là trường hợp Nhóm Bát Thuần Tâm Tạo sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt, tức là khi tâm thoải mái, mạnh mẽ. Đó là biểu hiện của hơi thở không thoải mái, khi vui vẻ thì mặt mày hân hoan, khi Pīti phát sinh thì rùng mình…
2. **Sadda Lahutādi Dvādasaka Kalāpa** – Nhóm Âm Thanh Đặc Biệt Thập Nhị Pháp: Là trường hợp Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt, tức là khi tâm thoải mái, mạnh mẽ. Đó là loại Âm Thanh hân hoan hơn, và Âm Thanh ngủ mớ biết chuyện gì.
3. **Kāyaviññatti Lahutādi Dvādasaka Kalāpa** – Nhóm Thân Đặc Biệt Mười Hai Pháp: Là trường hợp Nhóm Thân Biểu Tri Cửu Pháp sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt, tức là khi tâm thoải mái, cứng rắn. Đó là các Oai Nghi chuyển động mạnh mẽ, uyển chuyển, linh hoạt…
4. **Vacīviññatti Sadda Lahutādi Terasaka Kalāpa** – Nhóm Ngữ Đặc Biệt Thập Tam Pháp: Là trường hợp Nhóm Ngữ Biểu Tri Thập Pháp sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt, tức là khi tâm trạng khỏe khoắn thì cách nói, cách đọc cũng diễn tiến một cách thuận lợi.

III. UTUJA KALĀPA – NHÓM SẮC NHIỆT LƯỢNG TẠO: 04

4 Nhóm Sắc Nhiệt Lượng Tạo được hình thành từ 12 thứ Sắc Nhiệt Lượng Tạo (13 – Sắc Giao Giới).

Rūpa \ Kalāpa	Mūlakalāpa		Mūlikalāpa	
	Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo	Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp	Nhóm Đặc Biệt Thập Nhất Pháp	Nhóm Âm Thanh Đặc Biệt Thập Nhị Pháp
8 Sắc Bất Ly	X	X	X	X
Sắc Cảnh Thanh		X		X
Sắc Nhẹ Nhàng, Sắc Mềm Mại, Sắc Thích Nghi.			X	X
12	8	9	11	12

A. Mūlakalāpa – Nhóm Sắc Gốc

1. **Utuja Suddhaṭṭhaka Kalāpa** – Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo: Phát sinh khi thân có Oai Nghi chuyển động khó khăn, cứng nhắc, chậm chạp…
2. **Sadda Navaka Kalāpa** – Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp: Phát sinh khi có Âm Thanh phát ra từ thân như tiếng sôi bụng, ngáy, hay phát ra từ tiếng vỗ tay, búng tay và phát ra từ việc đánh vào một bộ phận nào của cơ thể, nhưng những Âm Thanh đó không rõ ràng lắm…

B. Mūlikalāpa – Nhóm Sắc Ngọn

1. **Lahutādi Ekādasaka Kalāpa** – Nhóm Đặc Biệt Thập Nhất Pháp: Là trường hợp Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt, tức là khi thân có Oai Nghi mềm mại…
2. **Sadda Lahutādi Dvādasaka Kalāpa** – Nhóm Âm Thanh Đặc Biệt Thập Nhị Pháp: Là trường hợp Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt, tức là khi những Âm Thanh đã nêu hiện bày rõ ràng…

Trong 21 (hay 23) Nhóm Sắc, chỉ có Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo và Nhóm Âm Thanh Cửu Pháp này là có thể tìm thấy bên ngoài chúng sinh. Đó là những vật khác nhau, núi non, cây cối, dòng sông, lửa, gió, ánh sáng, cái bóng… Tiếng gió thổi, tiếng sấm sét, tiếng nước chảy, tiếng xe cộ…

IV. ĀHĀRAJA KALĀPA – NHÓM SẮC VẬT THỰC TẠO: 02

2 Nhóm Sắc Vật Thực Tạo được hình thành từ 11 thứ Sắc Vật Thực Tạo (12 – Sắc Giao Giới) và chỉ sinh trong chúng sinh có Sắc Mạng Quyền mà thôi.

Rūpa \ Kalāpa	Mūlakalāpa Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo	Mūlikalāpa Nhóm Đặc Biệt Thập Nhất Pháp
8 Sắc Bất Ly	X	X
Sắc Nhẹ Nhàng, Sắc Mềm Mại, Sắc Thích Nghi		X
11 Āhārasamuṭṭhāna	8	11

1. **Āhāraja Suddhaṭṭhaka Kalāpa** – Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo: Phát sinh khi có sự dung nạp Vật Thực, thuốc men mà làm thân ốm yếu, xanh xao, không nhanh nhẹn…
2. **Nhóm Đặc Biệt Thập Nhất Pháp**: Là trường hợp Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo sinh lên cùng 3 Sắc Đặc Biệt là khi dung nạp các loại Vật Thực, thuốc men mà làm cho cơ thể khỏe khoắn, cứng cáp, mạnh mẽ, thoải mái.

2 Nhóm Sắc Vật Thực Tạo không thể tìm thấy bên ngoài chúng sinh, vì Nhóm Sắc Vật Thực Tạo sinh được cần phải nương Pācakatejo ở trong thân chúng sinh.

Tất cả Rūpa đã trình bày trong chương này có thể được Yogī quán sát và thẩm tra bằng sự thấy của tâm phối hợp với Cận Định hay Kiên Cố Định.

Yogī nên quán sát rằng có 6 Nhóm Sắc **trong con mắt**: Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Thân Thập Pháp, Nhóm Giới Tính Thập Pháp, Nhóm Bát Thuần Tâm Tạo, Nhóm Bát Thuần Nhiệt Lượng Tạo, Nhóm Bát Thuần Vật Thực Tạo, theo thứ tự. Cũng thế trong tai, mũi, lưỡi…

Quán sát những Nhóm Sắc dưới dạng hạt, dù cho nhỏ cỡ nào, cũng không có nghĩa là Yogī thấy Sắc Hữu Thực Tính. Sắc Hữu Thực Tính không có hình dạng, không có khối lượng.

Muốn thể nhập vào thực tại cùng tột, Yogī cần phải thấy rằng mỗi Nhóm Sắc bao gồm các Dhātu riêng biệt. Chỉ khi ấy Yogī mới có thể thấy được Rūpa thực sự là gì, và mới có thể thấy nó liên quan đến Nāma như thế nào (chính là mục đích của Tu Tiến Đề mục Phân Tích Sắc Đại Hiển).

Ledi Sayadaw viết trong *"Kammatthan Kyan Gyi"*: *"Khi nhìn xuyên qua kính hiển vi hay kính viễn vọng, một người thấy dễ dàng không gặp những trở ngại mà ban đầu không thể thấy, vi tế và những cảnh xa xăm. Cũng thế, nếu Yogī lấy Samādhi làm nền tảng cho Tu Tiến Vipassanā, Yogī có thể dễ dàng thấy không trở ngại những tướng phổ thông của Vô Thường, Khổ Não và Vô Ngã là pháp rất sâu sắc, vi tế, rất xa và rất khó thấy. Kết quả là Đạo Tuệ và Quả Tuệ sinh là pháp có thể hoàn toàn đoạn tận 4 Āsava.*

4 Sự Thật Cao Thượng và Nibbāna là pháp rất sâu, vi tế, rất xa và rất khó thấy cũng được quán sát."

RŪPAPAVATTIKKAMANĀYA –
TRÌNH BÀY SỰ SINH VÀ SỰ DIỆT CỦA SẮC PHÁP THEO THỨ TỰ

I. CÁCH SINH HAY YONI

A. Chúng Sinh Khi Tái Sinh Sẽ Đi Qua 1 Trong 4 Yoni – Nơi Nương Nhờ Để Sinh Ra (Sinh Chủng)

1. **Saṃsedaja** – Thấp Sinh (Ký sinh, Bám vào). Không cần nương tinh cha huyết mẹ, mà nương nơi cây cối, hoa, quả, máu, nước bẩn, nơi ẩm ướt… Như nàng Ciñcamānavikā sinh từ cây me, nàng Veluvadī sinh từ cây tre, nàng Padumavadī sinh từ hoa sen, 499 đứa con của nàng Veḷuvadī sinh từ những giọt máu rơi xuống sàn nhà khi nàng sinh người con đầu tiên theo cách Thai Sinh…
   Những chúng sinh này lúc mới sinh có thân thể nhỏ, nhưng đã đầy đủ, rồi lớn lên từ từ (Gần giống Hoá Sinh). Như Brahmin Pokkharasāti có thân thể nhỏ bằng ngón tay cái, nằm ngủ trong búp hoa sen. Vị đạo sĩ gặp được, đem về nuôi dưỡng cho lớn lên kích thước bình thường.
2. **Opapātika** – Hóa Sinh: *"Nhảy cóc"* từ thân này sang thân kia ngay, không cần nương gì ngoài Nghiệp Quá khứ. Những chúng sinh này trưởng thành tức thì. Đó là: Thiên chúng, Phạm thiên, Tội nhân Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Asura Chúng… và Nhân loại Sơ Kiếp.
3. **Gabbhaseyyaka** – Phúc Sinh:
   a. **Jaḷābuja** – Thai Sinh: Sinh ra từ tử cung người mẹ. Chúng sinh tái sinh theo cách này nương sinh nơi bụng mẹ nhưng không có bọc trứng bao bọc. Những chúng sinh này lớn lên từ từ.
   b. **Aṇḍaja** – Noãn Sinh: Phá vỡ vỏ trứng sinh ra. Chúng sinh tái sinh theo cách này phải nương vào bụng mẹ, nhưng lần đầu phải sinh trong bọc trứng trước tiên, khi mẹ đã đẻ bọc trứng ra, chúng sinh này cũng sinh ra lần nữa. Những chúng sinh này lớn lên từ từ.

B. Phân Chia Cõi Theo Cách Sinh

	Địa Ngục	Nijjhāmataṇhika Peta	Ngạ quỷ (Còn lại)	Bàng Sinh	Asura	Nhân loại	Địa Cư Thiên	Cõi Tứ Đại Thiên Vương trở lên
Thấp Sinh			X	X	X	X	X	
Hóa Sinh	X	X	X	X	X	X	X	X
Thai Sinh			X	X	X	X	X	
Noãn Sinh			X	X	X	X	X	

II. TRONG DỤC GIỚI

Tất cả 28 loại Rūpa đều có thể có được trong đời sống chúng sinh ở Dục Giới, trừ khi bị thiếu sót do Nghiệp. Tùy tình huống, người nam hay người nữ thì sẽ có 27 loại Rūpa.

A. Paṭisandhikāla – Thời Tái Sinh

1. **Đối với hạng Thấp Sinh và Hóa Sinh**:
   Tại Anukhaṇa Sinh của Thức Tái Sinh, Nhóm Sắc Nghiệp Tạo sinh lên, nhiều nhất 7 loại: Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Tỷ Thập Pháp, Nhóm Thiệt Thập Pháp, Nhóm Thân Thập Pháp, Nhóm Giới Tính Thập Pháp, Nhóm Ý Vật Thập Pháp.
   - Loài Thấp Sinh có thể bị khiếm khuyết: Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Tỷ Thập Pháp, Nhóm Giới Tính Thập Pháp.
   - Loài Hóa Sinh Cõi Khổ có thể bị khiếm khuyết: Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Giới Tính Thập Pháp.
   - Hóa Sinh làm Nhân loại Sơ Kiếp: Không có Nhóm Giới Tính Thập Pháp.
   - Hóa Sinh làm Dục Giới Thiên không thiếu Rūpa nào vì sinh ra với Thiện Nghiệp rất mạnh. Thiên nhân Hóa Sinh mang ngay dáng vóc của tuổi 16, cho nên, có hàng tỷ Nhóm Nhãn Thập Pháp và hàng tỷ Nhóm Nhĩ Thập Pháp… sinh lên cùng lúc.
2. **Đối với hạng Phúc Sinh**:
   Nhóm Sắc Nghiệp Tạo sinh lên lúc thụ thai trong bụng mẹ có nhiều nhất 3 loại: Nhóm Thân Thập Pháp, Nhóm Giới Tính Thập Pháp, Nhóm Ý Vật Thập Pháp. Đôi lúc có sự khiếm khuyết Nhóm Giới Tính Thập Pháp.

B. Pavattikāla – Thời Bình Sinh (Trong Suốt Thời Gian Hiện Hữu)

Từ Anukhaṇa Trụ của Thức Tái Sinh, những Nhóm Sắc được tạo ra bởi 4 nguyên nhân: Kamma, Citta, Utu, Āhāra diễn tiến không gián đoạn, như dòng chảy của một dòng sông, cho đến lúc Chết.

1. Sắc Nghiệp Tạo sinh lên liên tiếp không gián đoạn vào mỗi Anukhaṇa trong suốt đời sống của chúng sinh cho đến 17 Khaṇa tâm trước tâm Chết.
   - **a.** Với hạng Thấp Sinh và Hoá Sinh: Bắt đầu từ Anukhaṇa Trụ của Thức Tái Sinh, có thêm Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp sinh lên.
   - **b.** Với hạng Phúc Sinh: Có thêm Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Tỷ Thập Pháp, Nhóm Thiệt Thập Pháp, Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp sinh lên. Có thể khiếm khuyết Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Tỷ Thập Pháp.
     - Sự sinh khởi của Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp với mỗi người không giống nhau, diễn ra vào thời điểm bất kỳ, trong thời gian tuần thứ 1 kể từ Thời Tái Sinh.
     - Sự sinh khởi của Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Tỷ Thập Pháp, Nhóm Thiệt Thập Pháp với mỗi người không giống nhau, diễn ra vào thời điểm bất kỳ. Theo Ngài Buddhaghosa, chúng đều sinh lên trong thời gian tuần thứ 11 kể từ Thời Tái Sinh, không giới hạn nhóm nào sinh trước, sinh sau.

     Như vậy, theo Sớ Giải thì thai bào có đầy đủ mắt, tai… sau 11 tuần kể từ lúc thụ thai.
2. Sắc Tâm Tạo bắt đầu phát sinh từ Anukhaṇa Sinh của tâm Hộ Kiếp Thứ Nhất, và sẽ phát sinh tại mỗi Anukhaṇa Sinh của những tâm kiến tạo Rūpa sinh lên sau này.
3. Sắc Nhiệt Lượng Tạo bắt đầu phát sinh từ Anukhaṇa Trụ của Thức Tái Sinh. Khi đó, Tejo Dhātu trong những Nhóm Sắc Nghiệp Tạo cũng đã diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ, bắt đầu trợ sinh Sắc Nhiệt Lượng Do Sắc Nghiệp vào mỗi Anukhaṇa. Và Tejo Dhātu trong những Nhóm Sắc Nhiệt Lượng Tạo mới đó, khi diễn tiến đến Anukhaṇa Trụ, lại trợ sinh nhiều Nhóm Sắc Nhiệt Lượng Tạo mới nữa vào mỗi Anukhaṇa. Do đó, lộ trình này sẽ tiếp diễn mãi.
4. Sắc Vật Thực Tạo bắt đầu hình thành khi Dưỡng Chất Nội gặp Dưỡng Chất Ngoại vào lúc khuếch tán những Ojā và hợp chất Dưỡng Chất Nội và Dưỡng Chất Ngoại này đạt đến mức ổn định. Từ Anukhaṇa ấy, những Nhóm Sắc Vật Thực Tạo cũng được hình thành vào mỗi Anukhaṇa.
   - **a.** Với hạng Thấp Sinh và Hóa Sinh: Có thể bắt đầu khi chúng sinh đó lần đầu nuốt nước bọt.
   - **b.** Với hạng Phúc Sinh: Phát sinh khi người mẹ dụng nạp các loại Vật Thực, dù là cơm hay nước uống… thì Ojā được người mẹ dung nạp được lan rộng, thấm nhuần khắp sắc thân của thai bào, rồi trợ cho Sắc Vật Thực Tạo phát sinh cho thai bào đó…

     Sự sinh khởi của Nhóm Sắc Vật Thực Tạo ở mỗi người không giống nhau, diễn ra vào thời điểm bất kỳ, trong thời gian tuần thứ 2 kể từ Thời Tái Sinh.

     Trong tuần thứ 1, khi là *"Kalala"*, Sắc Vật Thực vẫn chưa lan rộng. Tới tuần thứ 2, khi đã là *"Abbuda"* thì Sắc Vật Thực mới bắt đầu trải đi thấm vào sắc thân của chúng sinh đó, và khi Sắc Vật Thực Tạo đã phát sinh, hẳn phát sinh lên tiếp mỗi Khaṇa tâm.

Tương Ưng Bộ Kinh/I. Thiên Có Kệ/10. Tương Ưng Dạ Xoa/ I. KINH INDAKA (Indakasutta):

"Paṭhamaṃ kalalaṃ hoti, kalalā hoti abbudaṃ; abbudā jāyate pesi, pesi nibbattatī ghano; ghanā pasākhā jāyanti, kesā lomā nakhāpi ca: Trước hết thì có Kalala. Sau Kalala thì có Abbuda. Sau Abbuda thì nó trở thành Pesi. Pesi trở thành Ghana. Sau Ghana, những Pasākha sinh lên, rồi tóc, lông và móng".

Đức Phật giảng cho Yakkha Indaka về sự phát triển của một thai bào:

- Trong tuần đầu sau Thời Tái Sinh, 3 Nhóm Sắc Nghiệp Tạo, Citta, Cetasika gom chung lại tạo lập nên 1 ***"Kalala"***: Bùn. Là loại Rūpa trong như nước, với kích cỡ: *"Không nhiều hơn một giọt dầu treo trên đầu một sợi chỉ được tạo ra bởi ba cọng lông của một đứa trẻ sơ sinh".*
- Trong tuần thứ 2, *"Kalala"* trở thành ***"Abbuda"***: Bọt. Nghĩa là: Giọt nước trong veo giờ đã giống như nước đã rửa thịt.
- Trong tuần thứ 3, *"Abbuda"* trở thành ***"Pesi"***: Thịt. Giống như miếng thịt mềm đỏ. Nghĩa là: Giọt nước đục nay đã giống như chì nóng chảy, nó trở nên đặc hơn một chút.
- Trong tuần thứ 4, *"Pesi"* trở thành ***"Ghana"***: Cứng. Thai bào giờ trở nên cứng hơn một chút. Dạng cục thịt, hình dáng như quả trứng gà, nhưng không lớn bằng.

- Trong tuần thứ 5, “*Ghana*” trở thành ***“Pasākha”***: Nhánh. 5 khối nhu để phát triển thành tay, chân và đầu.
- Từ đây, để cô đọng bài giảng, Đức Phật thuyết luôn tới tuần thứ 42 “*Tóc, lông, móng…*”.

Đức Phật không chỉ rõ mất bao nhiêu thời gian cho mỗi giai đoạn. Các Chánh Sớ nói rằng 1 giai đoạn kéo dài 1 tuần và đây là thời gian cho Nhân loại, không phải cho Bàng Sinh.

C. Maraṇāsannakāla – Thời Cận Tử (Sự Xảy Ra Lần Cuối Và Sự Biến Mất Của Sắc pháp)

Khi Chết, thọ mạng của Nāma và thọ mạng của Rūpa phải cùng kết thúc.

1. Sắc Nghiệp Tạo phải biến mất tại thời điểm kết thúc của một đời sống. Cho nên, tại Anukhaṇa Sinh của tâm thứ 17 đếm ngược lại tính từ tâm Chết, có sự sinh lên lần cuối cùng của Sắc Nghiệp Tạo, và nó sẽ diệt đi với cùng với Anukhaṇa Diệt của tâm Chết.
2. Sắc Tâm Tạo phát sinh lần cuối tại Anukhaṇa Sinh của tâm Chết của Phàm Nhân và Bậc Thánh Hữu Học. Sắc Tâm Tạo này tồn tại hết tuổi thọ 17 Khaṇa, trải qua: Thức Tái Sinh và 15 tâm Hộ Kiếp nữa. Vậy, tại Anukhaṇa Diệt của tâm Hộ Kiếp thứ 15 ở đời sống mới, Sắc Tâm Tạo cuối cùng của đời sống cũ mới diệt đi.

   Đối với Vị Thánh Arahant, Sắc Tâm Tạo phát sinh lần cuối tại Anukhaṇa Sinh của tâm thứ 2 đếm ngược lại từ tâm Chết, và sẽ tồn tại thêm 15 Khaṇa sau khi Ngài đã Parinibbāna.
3. Sắc Vật Thực Tạo vẫn có thể sinh lên thậm chí tại Anukhaṇa Diệt của tâm Chết. Nó tồn tại 17 Khaṇa, và như vậy, tại Anukhaṇa Trụ của tâm Hộ Kiếp thứ 16 của đời sống tiếp theo, Sắc Vật Thực Tạo của đời sống trước mới diệt đi.
4. Sắc Nhiệt Lượng Tạo:
   a. Đối với hạng Thấp Sinh, Phúc Sinh: Sắc Nhiệt Lượng Tạo vẫn sinh lên liên tiếp, và sẽ diễn tiến cho đến khi Thế gian bị hoại diệt hoàn toàn. Giả sử người đó được đem đi chôn, tại thời điểm đó, cũng có Sắc Nhiệt Lượng Tạo sinh lên và diệt đi. Nếu người đó bị hỏa táng thành tro, thì vẫn có Sắc Nhiệt Lượng Tạo sinh lên và diệt đi…
   b. Đối với hạng Hóa Sinh: Khi đã chết thì Sắc Nhiệt Lượng Tạo cũng đồng diệt. Nhóm chúng sinh này không để lại xác chết, giống như ngọn lửa tắt đi.

III. TRONG SẮC GIỚI (KHÔNG TÍNH CÕI VÔ TƯỞNG)

23 loại Rūpa được tìm thấy trong Sắc Giới: 28 – Thần Kinh Khứu Giác – Thần Kinh Vị Giác – Thần Kinh Xúc Giác – 2 Sắc Giới Tính.

A. Thời Tái Sinh

Tại Anukhaṇa Sinh của Thức Tái Sinh, Nhóm Sắc Nghiệp Tạo sinh lên chỉ có 4 loại: Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Ý Vật Thập Pháp, Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp.

Bởi 5 Sắc Thần Kinh là loại Rūpa ủng hộ cho lợi ích của Ngũ Dục, trong khi Phạm thiên sinh lên do năng lực của Thiền Sắc mà đạt được nhờ ly dục. Chỉ có Thần Kinh Thị Giác và Thần Kinh Thính Giác sinh ra được đối với Sắc Giới Thiên vì 2 Rūpa này còn có lợi ích lớn: Thấy người có Ân Đức cao thượng (như Đức Phật Chánh Đẳng Giác) gọi là **Dassanānuttariyaguṇa** – Ân Đức Thấy Cao Thượng. Nghe được giáo pháp cao siêu, gọi là **Savanānuttariyaguṇa** – Ân Đức Nghe Cao Thượng.

Mặc dù không có Nhóm Tỷ Thập Pháp, Nhóm Thiệt Thập Pháp, Nhóm Thân Thập Pháp nhưng cơ thể vị Phạm thiên vẫn có hình tướng của Mũi, Lưỡi, Thân. Mặc dù không có Nhóm Giới Tính Thập Pháp nhưng điều được ghi nhận là vị Phạm thiên có hình tướng giống “trượng phu”.

B. Thời Bình Sinh

1. Sắc Nghiệp Tạo: 4 Nhóm Sắc Nghiệp Tạo tiếp tục sinh lên liên tiếp không gián đoạn vào mỗi Anukhaṇa trong suốt đời sống của Sắc Giới Thiên cho đến Anukhaṇa Sinh của tâm thứ 17 đếm ngược lại tính từ tâm Chết.
2. Sắc Tâm Tạo và Sắc Nhiệt Lượng Tạo cũng được tìm thấy đầy đủ trong suốt thời gian hiện hữu.
3. Mặc dù có Dưỡng Chất Nội trong cơ thể, nhưng Sắc Giới Thiên không nhận Dưỡng Chất Ngoại, cho nên không có Nhóm Sắc Vật Thực Tạo. Họ sống bằng Pīti, vị Phạm thiên no với tâm sở Pīti.

C. Thời Cận Tử

1. Sắc Nghiệp Tạo và Sắc Tâm Tạo diệt đi giống với chúng sinh Dục Giới.
2. Sắc Vật Thực Tạo vốn đã không có rồi.
3. Sắc Nhiệt Lượng Tạo đồng diệt với tâm Chết. Sắc Giới Thiên chết đi không để lại xác chết.

IV. CÕI VÔ TƯỞNG

17 loại Rūpa được tìm thấy: 28 – 5 Sắc Thần Kinh – Sắc Cảnh Thanh – 2 Sắc Giới Tính – Sắc Ý Vật – 2 Sắc Truyền Thông.

A. Thời Tái Sinh

Tại Anukhaṇa Sinh của Thức Tái Sinh, chỉ có Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp sinh lên. So với Sắc Giới Thiên thì không có Nhóm Nhãn Thập Pháp, Nhóm Nhĩ Thập Pháp, Nhóm Ý Vật Thập Pháp.

B. Thời Bình Sinh

1. Sắc Nghiệp Tạo: Nhóm Mạng Quyền Cửu Pháp tiếp tục sinh lên liên tiếp không gián đoạn trong suốt đời sống của Vô Tưởng Thiên.
2. Sắc Nhiệt Lượng Tạo phát sinh từ Anukhaṇa Trụ của Thức Tái Sinh.
3. Sắc Tâm Tạo không được tìm thấy vì Vô Tưởng Thiên không có Citta, Cetasika phát sinh.
4. Sắc Vật Thực Tạo: Lẽ thường đã không phát sinh cho Phạm thiên.

C. Thời Cận Tử

Giống Sắc Giới Thiên.

NIBBĀNAPARAMATTHA

“Nibbāyanti sabbe vaṭṭadukkhasantāpā etasmimti = nibbānaṃ: Khổ luân hồi và các sự nóng nảy sôi nổi không có, gọi là Nibbāna.”

Giải thích trong Chánh Sớ: *“Phân tích theo gốc từ thì từ Pāḷi: “Nibbāna” tương đương của từ Sanskrit: “Nirvāṇa”, bắt nguồn từ động từ “Nibbāti” có nghĩa là “bị dập tắt”. Do đó, nó biểu hiện cho sự dập tắt của những “đốm lửa” thế gian: Tham, Sân và Si.”*

“Vānato nikkhantanti = nibbānaṃ: Pháp nào vượt thoát khỏi ràng buộc là Taṇhā, Pháp đó là Nibbāna.”

“Nibbāna” = *“ni”*: thoát khỏi + *“vāna”*: dệt lại, sự vướng mắc, ràng buộc. Sự ràng buộc này chính là Taṇhā. Chừng nào còn vướng vào Taṇhā, thì Yogī vẫn còn phải lang thang trong Vòng Luân Hồi.

Phật giáo khái niệm về *“giải thoát, giải phóng”* là thoát khỏi sự tái diễn của Vòng Luân Hồi và tất cả Khổ kết hợp với chúng. Khi tất cả Taṇhā được đoạn tận do 4 Magga, Yogī thoát khỏi Vòng Luân Hồi. Khi ấy mới nói được Yogī chứng đạt Nibbāna.

Ngài giáo thọ sư Anuruddha miêu tả 5 Ân Đức của Nibbāna là:

1. ***“Pada”***: Riêng Biệt. Nibbāna là pháp riêng biệt, không liên quan đến những Pháp Hữu Vi.
2. ***“Accuta”***: Bất Tử. Nibbāna là bất tử vì nó không có sự khởi đầu, nên không có sự kết thúc.
3. ***“Accanta”***: Vượt Thoát Khỏi Ngũ Uẩn: Nibbāna vượt thoát khỏi Quá khứ, Hiện tại, Tương lai, Nội Phần, Ngoại Phần… gọi là pháp Ngoại Thời, và là pháp Ngoại Uẩn.
4. ***“Asaṅkhata”*** Vô Vi: Nibbāna thì không bị tạo tác bởi nguyên nhân nào.
5. ***“Anuttara”***: Vô Thượng. Không có cái gì ngang bằng với Nibbāna.

I. NIBBĀNA CÓ 1

1. **Tướng Trạng**: Vắng lặng, an tĩnh (Santilakkhaṇa).
   Nibbāna nói theo Tướng Trạng có 1: Vắng lặng mọi Phiền Não, và Ngũ Uẩn.
2. **Phận Sự**: Bất động (Accutirasa).
   Không lay động biến chuyển.
3. **Thành Tựu**: Vô ấn chứng (Animittapaccupatthana).
   Không có ấn chứng hiện tượng.

II. NIBBĀNA CÓ 2

Nibbāna nói theo cách được trải nghiệm trước và sau khi chết của một Vị Thánh Arahant:

A. Saupādisesanibbāna – Hữu Dư Nibbāna:

Nghĩa là Nibbāna diễn tiến với Ngũ Uẩn (tâm Vipāka và Sắc Nghiệp Tạo) còn dư sót từ những Phiền Não. Đó là Nibbāna của Vị Thánh Arahant mà sự sống còn hiện hữu, như có Pāḷi chú giải:

*“Kammakilesehi upādiyatīti = upādi vā ārammaṇakaraṇavasena taṇhādiṭṭhīhi upādiyatīti = upādi: Ngũ Uẩn (là Vipāka và Sắc Nghiệp Tạo) mà bị Nghiệp và Phiền Não chấp giữ là của ta, gọi là **Upādi**. Hay là, Ngũ Uẩn (là Vipāka và Sắc Nghiệp Tạo) làm Đối tượng cho Taṇhā và Tà Kiến chấp giữ gọi là **Upādi**.”*

*“Sissati avasissatīti = seso, upādi ca seso cāti = upādiseso: Ngũ Uẩn (là Vipāka và Sắc Nghiệp Tạo) dư sót từ Phiền Não gọi là **Upādisesa**.”*

*“Saha upādisesena yā vattatīti = saupādisesā: Nibbāna nào sinh với Vipāka và Sắc Nghiệp Tạo còn dư sót từ Phiền Não, thì Nibbāna ấy gọi là **Saupādisesa**”.”*

Đó là Nibbāna của Vị Thánh Arahant mà sự sống còn hiện hữu. Arahant Đạo sát trừ tất cả Phiền Não không còn dư sót, nhưng Sắc Nghiệp Tạo (thân xác của Ngài) và những **Vipāka Namakkhandha** – Danh Uẩn Quả (những tâm Vipāka và pháp đồng sinh) là kết quả của Phiền Não vẫn còn dư sót.

Loại Nibbāna này còn gọi là **Kilesa Parinibbāna** – Phiền Não Nibbāna, là sự dập tắt mọi Phiền Não.

A. Anupādisesanibbāna – Vô Dư Nibbāna:

Đó là Nibbāna của Vị Thánh Arahant đã **Parinibbāna** – Bát Niết Bàn, Sắc Nghiệp Tạo và Danh Uẩn Quả của Ngài biến mất tất cả, không còn sự sinh lên nữa. Như có Pāḷi chú giải:

"Natthi upādiseso yassāti = anupādiseso: Ngũ Uẩn tức là Sắc Nghiệp Tạo và tâm Vipāka không còn sót lại, đó gọi là anupādiseso."

Loại Nibbāna này gọi là **Khandha Parinibbāna** – Ngũ Uẩn Nibbāna, là sự dập tắt Ngũ Uẩn không còn dư sót.

III. NIBBĀNA CÓ 3

Nibbāna khi nói theo Trạng thái thì có 3 (Theo giáo trình vấn đáp Jotika bậc Acāriya trung cấp):

A. Suññatanibbāna – Không Tánh Nibbāna (Tiêu Diệt Nibbāna)

Nibbāna là *"Suñña"*: Trống rỗng. Nghĩa là trống vắng Phiền Não (Tham, Sân, Si…) và tất cả Pháp Hữu Vi.

Nói theo đạo lộ thì Yogī Tu Tiến Vô Ngã Tùy Quán, đến khi chứng ngộ Nibbāna. Nibbāna đối với bậc ấy gọi là Không Tánh Nibbāna.

B. Animittanibbāna – Vô Tướng Nibbāna (Vô Chứng Nibbāna)

Nibbāna là *"Animitta"*: không ấn tướng. Nghĩa là tự tại khỏi Tứ Tướng của Pháp Hữu Vi.

Nói theo đạo lộ thì Yogī Tu Tiến Vô Thường Tùy Quán đến khi chứng ngộ Nibbāna. Nibbāna đối với bậc ấy gọi là Vô Tướng Nibbāna.

C. Appaṇihitanibbāna – Vô Nguyện Nibbāna (Phi Nội Nibbāna)

Nibbāna là *"Appaṇihita"*: vô nguyện (cầu). Nghĩa là Nibbāna không có Nāma, Rūpa hay bất cứ hình dạng nào để ham muốn bởi Taṇhā. Cũng không có bất cứ Lobha hay Taṇhā trong Nibbāna. Nibbāna tuyệt đối thoát khỏi Lobha cũng như sự ham muốn, nhiễm đắm của Rāga, khao khát của Taṇhā.

Nói theo đạo lộ thì Yogī Tu Tiến Khổ Não Tùy Quán, đến khi chứng ngộ Nibbāna. Nibbāna đối với bậc ấy gọi là Vô Nguyện Nibbāna.

* Người không thấu hiểu được bản thể thực tính của Nibbāna một cách đầy đủ thì khi nghe rằng: Nibbāna không có khổ thân, khổ tâm, chỉ có sự an vui, bởi lẽ Nibbāna là pháp Siêu Thế. Vì thế, họ phát sinh ham muốn Nibbāna, mong muốn thân Lạc, tâm Hỷ không có ràng buộc đến Thế gian, không muốn Sinh, Già Yếu, Chết nhưng lại không nghĩ đến trạng thái bản thể *"không sinh"* của Nibbāna là gì. Do đó, sự mong mỏi Nibbāna của những người này xếp vào Phi Hữu Ái.